Luận Văn 24 - đơn vị cung cấp Dịch vụ viết thuê luận văn uy tín, giá cả phải chăng

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Chuyên ngành **: Lý luận và Lịch sử Nhà nước và Pháp luật**
Mã số **60 38 01 01**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Cán bộ hướng dẫn khoa học**: TS Mai Văn Thắng**

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn là công tình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả nêu trong Luận văn chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Luận văn đảm bảo tính chính xác, tin cậy và trung thực. Tôi đã hoàn thành tất cả các môn học và đã thanh toán tất cả các nghĩa vụ tài chính theo quy định của Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vậy tôi viết Lời cam đoan này đề nghị Khoa Luật xem xét để tôi có thể bảo vệ Luận văn.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Người cam đoan

Đỗ Thị Vương Quỳnh

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 3
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG 10
1.1. **Lý luận về giáo dục pháp luật và giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường** 10
1.1.1. *Khái niệm và mục đích của giáo dục pháp luật* 10
1.1.2. *Nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục pháp luật* 15
1.1.3. *Những vấn đề lý luận của giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường* 23
1.2. **Vai trò của pháp luật trong việc bảo vệ môi trường** 25
1.3. **Bảo vệ môi trường và vai trò, ý nghĩa của giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường** 28
1.3.1. *Nhận thức chung về môi trường và bảo vệ môi trường* 28
1.3.2. *Vai trò của môi trường và bảo vệ môi trường đối với xã hội hiện đại* 30
1.4. **Ý nghĩa của giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường ở Việt Nam hiện nay** 31
Kết luận chương 1 34
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY 35
2.1. **Thực trạng môi trường và hệ thống pháp luật, chính sách pháp luật về bảo vệ môi trường và giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường** 35
2.1.1. *Thực trạng môi trường ở Việt Nam hiện nay* 35
2.1.2. *Hệ thống pháp luật, chính sách bảo vệ môi trường và giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường ở Việt Nam hiện nay* 40
2.2. **Thực trạng nội dung, hình thức, phương thức giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường** 45
2.2.1. *Thực trạng nội dung giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường* 45
2.2.2. *Thực trạng hình thức, phương pháp giáo dục pháp luật về bảo vệ*

môi trường 52

2.3. **Những nguyên nhân cơ bản** 59

Kết luận chương 2 64

CHƯƠNG 3: QUAN ĐIỂM VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ, GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM 65

3.1. **Quan điểm chung** 65

3.1.1. *Quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật* 65

3.1.2. *Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về bảo vệ môi trường* 67

3.2. **Một số giải pháp, kiến nghị chung** 69

3.3. **Một số giải pháp, kiến nghị cụ thể** 71

3.3.1. *Đổi mới nội dung giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường* 71

3.3.2. *Đổi mới hình thức và phương pháp giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường* 74

Kết luận chương 3 82

KẾT LUẬN CHUNG 83

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO 86

Luận Văn 24 - đơn vị cung cấp Dịch vụ viết thuê luận văn uy tín, giá cả phải chăng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Ô nhiễm môi trường ở nước ta hiện nay đã trở thành một vấn đề nóng bỏng gây bức xúc trong dư luận xã hội cả nước. Vấn đề này ngày càng trầm trọng, đe doạ trực tiếp sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững, sự tồn tại, phát triển của các thế hệ hiện tại và tương lai. Đối tượng gây ô nhiễm môi trường chủ yếu là hoạt động sản xuất của nhà máy trong các khu công nghiệp, hoạt động làng nghề và sinh hoạt tại các đô thị lớn.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường, Đảng và Nhà nước ta đã ngày càng quan tâm tới vấn đề này. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) xác định phương hướng phát triển cơ bản của nước ta là "Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường". Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 nêu quan điểm "Phát triển kinh tế - xã hội phải luôn coi trọng bảo vệ và cải thiện môi trường".

Các chủ trương, quan điểm của Đảng về bảo vệ môi trường cơ bản đã được thể chế hóa thành chính sách, pháp luật của Nhà nước. Năm 1991, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Kế hoạch quốc gia về môi trường và phát triển bền vững giai đoạn 1991 - 2000. Tiếp theo, Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020, Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, Chiến lược quốc gia về bảo vệ môi trường đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030,… đã đề ra các định hướng về bảo vệ môi trường. Luật Bảo vệ môi trường, Luật Đa dạng sinh học, Luật Bảo vệ và Phát triển rừng, Luật Thủy sản và các văn bản luật có liên quan, các văn bản dưới luật đã quy định khá đầy đủ, chi tiết, cụ thể những nội dung phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm, phục hồi môi trường và cải thiện chất lượng cuộc sống của nhân dân, về bảo tồn thiên

nhiên và đa dạng sinh học. Bên cạnh đó, các cơ chế, công cụ, chế tài bảo vệ môi trường cũng được quy định trong Bộ luật Hình sự, Bộ luật Dân sự, Luật Đầu tư, Luật Thuế bảo vệ môi trường.

Mặc dù chúng ta đã có một hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường tương đối đầy đủ nhưng hiệu quả của những quy định pháp luật này chưa thực sự đạt được kết quả như mong muốn. Người dân và doanh nghiệp, thậm chí cả cán bộ, công chức viên chức nhà nước chưa thật sự hiểu biết về các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, ý nghĩa của việc bảo vệ môi trường và từ đó ý thức và trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường chưa cao. Một phần nguyên nhân chính là do công tác giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường ở nước ta hiện nay còn nhiều yếu kém. Công tác giáo dục vẫn mang tính hình thức chưa thực sự đi sâu vào ý thức người dân, người dân chưa coi bảo vệ môi trường chính là bảo vệ cuộc sống của họ. Hiện nay, ngày càng nhiều vụ việc gây ô nhiễm môi trường bị phát giác với mức độ ngày càng nghiêm trọng. Chính vì vậy, công tác giáo dục pháp luật nói chung và giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường nói riêng là thực sự quan trọng và cần thiết. Nếu được giáo dục về bảo vệ môi trường một cách đầy đủ, nhất là giáo dục pháp luật về môi trường và bảo vệ môi trường, người dân sẽ tích lũy được cho mình những kiến thức cần thiết đồng thời nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm của chính bản thân họ với công tác bảo vệ môi trường. Xuất phát từ lý do đó, tác giả chọn đề tài: ***"Giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường ở Việt Nam hiện nay"*** làm đề tài luận văn của mình.

2. Tình hình nghiên cứu

Trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền hiện nay, công tác giáo dục pháp luật luôn nhận được sự quan tâm của các cấp, các ngành từ trung ương đến địa phương. Vấn đề này đã được nhiều chuyên gia, nhiều nhà khoa học, cũng như nhiều tác giả tìm hiểu ở những góc độ khác nhau với các hình

thức như: sách chuyên khảo, đề tài khoa học, luận án, luận văn, khóa luận tốt nghiệp… Đáng chú ý có thể kể đến các công trình sau:

1) Nhóm những công trình liên quan đến giáo dục pháp luật:

"Giáo dục pháp luật cho nhân dân", Nguyễn Ngọc Minh, Tạp chí Cộng sản, số 10, 1983;

"Giáo dục ý thức pháp luật để tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa và xây dựng con người mới", Phùng Văn Tửu, Tạp chí Giáo dục lý luận, số 4/1985;

"Ý thức pháp luật và giáo dục pháp luật ở Việt Nam", Luận án phó tiến sĩ Luật học của Nguyễn Đình Lộc, 1987;

"Giáo dục ý thức pháp luật với việc tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa", Luận án phó tiến sĩ Luật học của Trần Ngọc Đường, 1988;

"Giáo dục ý thức pháp luật", Nguyễn Trọng Bích, Tạp chí Xây dựng Đảng, số 4/1989;

"Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về giáo dục pháp luật trong thời kỳ đổi mới", Đề tài khoa học cấp Bộ năm 1994, mã số 92-98-223-ĐT của Viện Nghiên cứu Khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp;

"Bàn về giáo dục pháp luật", Trần Ngọc Đường và Dương Thanh Mai, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995;

"Nâng cao ý thức pháp luật của đội ngũ cán bộ quản lý hành chính ở nước ta hiện nay", Luận án Phó tiến sĩ của Lê Đình Khiên, 1993;

"Tìm kiếm mô hình phổ biến, giáo dục pháp luật có hiệu quả trong một số dân tộc ít người", Đề tài khoa học cấp Bộ, Bộ Tư pháp, 1995;

"Giáo dục pháp luật trong các trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề ở nước ta hiện nay", Luận án Phó tiến sĩ của Đinh Xuân Thảo, 1996;

"Giáo dục pháp luật qua hoạt động tư pháp ở Việt Nam", Luận án Phó tiến sĩ của Dương Thị Thanh Mai, 1996;

"Đổi mới giáo dục pháp luật trong hệ thống các trường chính trị ở nước ta hiện nay", Đề tài khoa học cấp Bộ, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2000;

"Giáo dục pháp luật trong các trường sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay", Luận văn thạc sĩ Luật học của Phạm Trung Nghĩa, 2000;

"Xã hội hóa công tác phổ biến giáo dục pháp luật trong tình hình mới", Hồ Việt Hiệp, Tạp chí Dân chủ và pháp luật, số 9/2000;

"Cơ sở khoa học của việc xây dựng ý thức pháp luật và lối sống theo pháp luật", Đề tài khoa học cấp nhà nước, mã số KX.07-17, Viện Nhà nước và pháp luật - Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn chủ trì;

"*Giáo dục pháp luật trong các doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam hiện nay"* Luận án tiến sĩ của Vũ Thị Hoài Phương, 2008;

"Ý thức pháp luật và hoạt động tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật ở nước ta hiện nay" Luận văn thạc sĩ của Nguyễn Thị Như Quỳnh, 2009;

"Bàn về hiệu quả phổ biến, giáo dục pháp luật ở nước ta hiện nay", tạp chí Khoa học pháp lý, trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, số 4/2011;

"*Phổ biến, giáo dục pháp luật trong lĩnh vực giao thông_ qua thực tiễn ở tỉnh Quảng Bình"* Luận văn thạc sĩ của Đặng Quang Tuân, 2012;

2) Nhóm các nghiên cứu về pháp luật trong lĩnh vực môi trường, giáo dục pháp luật về môi trường và phát triển bền vững:

"Hệ thống pháp luật Việt Nam trong thời đại pháp quyền, vì sự phát triển bền vững", GS.TSKH Đào Trí Úc, Báo cáo tại Phiên toàn thể của Tiểu ban VII, tại Hội thảo Quốc tế Việt Nam học lần thứ IV, 2012;

"Tăng cường quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường để phát triển bền vững", ThS. Bùi Thanh, Tạp chí Cộng sản ngày 9/7/2013;

"Phát triển bền vững ở Việt Nam", GS.TS Vũ Văn Hiền, Tạp chí Cộng sản ngày 03/01/2014;

"*Đảm bảo an ninh môi trường cho Phát triển bền vững"*, Nguyễn Đình Hòe và Nguyễn Ngọc Sinh NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 2010;

"Phát triển bền vững ở Việt Nam, hiện trạng, thách thức và giải pháp", GS.TS Lê Văn Khoa, TS. Nguyễn Ngọc Sinh;

Ngoài những công trình kể trên, vấn đề này còn được nghiên cứu, trao đổi, bình luận thông qua các cuộc hội thảo, các bài viết đăng trên các tạp chí chuyên ngành như: Tạp chí Nhà nước và pháp luật, Tạp chí Dân chủ và pháp luật, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp…

Các đề tài đã góp phần vào việc làm rõ các vấn đề cơ bản về cả lý luận và thực tiễn về giáo dục pháp luật. Tuy nhiên, chưa có công trình nào đi sâu vào vấn đề giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường ở Việt Nam hiện nay. Vì vậy, trong luận văn này, tác giả tập trung nghiên cứu những phương diện lý luận chung về giáo dục pháp luật được quy định trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam và đặc biệt là trong hoạt động bảo vệ môi trường.

3. Mục đích và nhiệm vụ, đối tượng nghiên cứu

** Mục đích nghiên cứu:*

Luận văn góp phần nâng cao nhận thức của người dân về môi trường đối với sự phát triển của xã hội hiện tại và tương lai; khẳng định vai trò của pháp luật với bảo vệ môi trường, nâng cao hiểu biết về nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý trong việc bảo vệ môi trường của cán bộ, công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp, tìm ra các giải pháp, kiến nghị nâng cao tính hiệu quả giáo dục pháp luật bảo vệ môi trường góp phần bảo vệ môi trường sinh thái đảm bảo sự phát triển bền vững ở Việt Nam.

** Nhiệm vụ nghiên cứu:*

Để thực hiện mục đích trên, Luận văn có những nhiệm vụ sau:

- Phân tích một số vấn đề lý luận chung về giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường, phân tích đặc điểm, mục đích, vai trò, nội dung, hình thức, phương pháp của giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Nghiên cứu, đánh giá thực trạng, phân tích nguyên nhân thực trạng của công tác giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường hiện nay ở nước ta.
- Đề xuất giải pháp nhằm tăng cường công tác giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường ở Việt Nam hiện nay.

** Đối tượng nghiên cứu:*

- Những quan điểm, phương pháp, hình thức giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường
- Thực trạng của vấn đề bảo vệ môi trường và của hoạt động giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường ở nước ta.

4. Phạm vi nghiên cứu

Đề tài tập trung nghiên cứu một số vấn đề về giáo dục pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ở Việt Nam, đi sâu vào phân tích nội dung, hình thức cũng như phương pháp giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường, với khoảng thời gian từ năm 2005 đến nay.

5. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng về Nhà nước và pháp luật trong thời kì đổi mới và hội nhập quốc tế.

Luận văn cũng kế thừa những kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học liên quan đến phổ biến, giáo dục pháp luật.

Đồng thời, tác giả sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học cụ thể như: phân tích, tổng hợp, so sánh, quy nạp, diễn giải, hệ thống cấu trúc… để giải quyết nhiệm vụ đặt ra của Luận văn.

6. Những đóng góp mới, ý nghĩa của luận văn

** Những đóng góp mới:*

Luận văn là công trình nghiên cứu chuyên biệt về hoạt động giáo dục pháp luật bảo vệ môi trường ở Việt Nam hiện nay.

Luận văn đánh giá thực trạng công tác giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường; chỉ ra các đặc điểm và yêu cầu của công tác giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường;

Luận văn đưa ra những giải pháp, kiến nghị nhằm góp phần nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường ở Việt Nam.

** Ý nghĩa của luận văn:*

Luận văn góp phần nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của công tác giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường ở Việt Nam, là cơ sở khoa học và thực tiễn góp phần nâng cao chất lượng công tác giáo dục pháp luật nói chung và giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường nói riêng.

Các giải pháp đề ra trong luận văn có thể được áp dụng trong công tác giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường.

Luận văn có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho các cơ quan, ban ngành, tổ chức, cá nhân làm công tác thực tiễn hoặc làm công tác nghiên cứu về giáo dục pháp luật.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận của giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường và vai trò, ý nghĩa của giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường.

Chương 2: Thực trạng giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường ở Việt Nam hiện nay.

Chương 3: Quan điểm và một số kiến nghị, giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường ở Việt Nam.

Luận Văn 24 - đơn vị cung cấp Dịch vụ viết thuê luận văn uy tín, giá cả phải chăng

Chương 1
CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1.1.Lý luận về giáo dục pháp luật và giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường

1.1.1. Khái niệm và mục đích của giáo dục pháp luật

1.1.1.1 Khái niệm

Theo từ điển Từ và ngữ Hán – Việt: "Giáo dục là quá trình hoạt động có ý thức, có mục đích, có kế hoạch, có tổ chức nhằm bồi dưỡng cho con người những phẩm chất đạo đức và những tri thức cần thiết để người ta có khả năng tham gia mọi mặt của đời sống xã hội". [35]

Trong khoa học, có rất nhiều quan niệm khác nhau về giáo dục pháp luật, tuy nhiên có thể tựu chung lại gồm các nhóm quan niệm sau:

Quan niệm thứ nhất cho rằng giáo dục pháp luật là một bộ phận của giáo dục chính trị, tư tưởng và giáo dục đạo đức. Nghĩa là nếu chúng ta tiến hành giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức tốt thì ý thức tôn trọng pháp luật của người dân cũng sẽ được nâng lên. [29]

Quan niệm thứ hai cho rằng giáo dục pháp luật chỉ là công việc của các phương tiện thông tin đại chúng, của bộ máy tuyên truyền. Quan niệm này đã đồng nhất giáo dục pháp luật với tuyên truyền, phổ biến, giải thích pháp luật. [29]

Quan niệm thứ ba lại cho rằng giáo dục pháp luật chính là việc dạy và học pháp luật ở các nhà trường, còn việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật ngoài xã hội không phải là giáo dục pháp luật. Quan niệm này đã chú trọng vào phương diện hình thức của giáo dục pháp luật, làm giảm tính đa dạng, phong phú của việc giáo dục pháp luật trong nhà trường. [29]

Quan niệm thứ tư cho rằng không có khái niệm giáo dục pháp luật vì pháp luật là những quy tắc có tính bắt buộc chung mà mọi công dân đều phải có nghĩa vụ tuân thủ, do đó không cần đặt vấn đề giáo dục pháp luật. [29]

Thiết nghĩ, mỗi quan niệm có một góc nhìn riêng về giáo dục pháp luật, tuy nhiên đôi lúc lại mang tính phiến diện, mới thấy được một mặt của giáo dục pháp luật.

Trong khoa học pháp lý, giáo dục pháp luật được hiểu trên cơ sở những nội dung sau:

Giáo dục pháp luật là hoạt động nhằm hình thành tri thức, tình cảm pháp luật ở mỗi cá nhân, hình thành ở mỗi cá nhân thói quen sống theo pháp luật., khi đó, cá nhân sẽ tự giác tuân thủ pháp luật [30]. Như vậy, giáo dục pháp luật đã hình thành một môi trường thuận lợi, phù hợp để chủ thể định hướng được hành vi của mình theo chuẩn mà pháp luật quy định, điều đó góp phần quan trọng vào việc tăng cường hiệu quả, hiệu lực của pháp luật.

Giáo dục pháp luật là sự tác động của nhân tố chủ quan, do các chủ thể có năng lực làm công tác này tiến hành. Quá trình hình thành ý thức của con người là một quá trình lâu dài của sự tác động những điều kiện khách quan và chủ quan. Trong đó, các điều kiện khách quan có vai trò là những nhân tố ảnh hưởng, các điều kiện chủ quan đóng vai trò tác động. Nhân tố ảnh hưởng có thể là tự phát, theo hướng này hoặc hướng khác và mức độ khác nhau.

Giáo dục pháp luật không đồng nhất với khái niệm giáo dục ý thức pháp luật của cá nhân mà giữa chúng có mối quan hệ mật thiết với nhau. Ý thức pháp luật của cá nhân bị chi phối bởi các điều kiện khách quan như chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, phong tục, tập quán truyền thống, thực tiễn pháp lý… Tuy nhiên, các điều kiện chủ quan cũng đóng vai trò hết sức quan trọng với việc hình thành ý thức pháp luật của cá nhân. Việc tăng cường nỗ lực chủ quan, bằng hoạt động có tổ chức, kế hoạch, bước đi phù hợp, có định hướng, có ý thức tự giác cao của chủ thể giáo dục pháp luật sẽ góp phần giúp hình thành tri thức, tình cảm, thái độ và nếp sống tuân theo pháp luật ở đối tượng được giáo dục.

Từ những phân tích trên, có thể rút ra khái niệm về giáo dục pháp luật như sau: *giáo dục pháp luật là một hoạt động có định hướng, có tổ chức, có chủ đích của chủ thể giáo dục thông qua các hình thức, phương pháp khác nhau tác động lên đối tượng giáo dục một cách có hệ thống nhằm hình thành ở họ một cách bền vững tri thức pháp lý, ý thức pháp luật, tình cảm, niềm tin và hành vi phù hợp với pháp luật hiện hành, xây dựng lối sống theo pháp luật.*

1.1.1.2. Mục đích của giáo dục pháp luật

Công tác giáo dục pháp luật luôn có vị trí và vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa hiện nay, là một bộ phận của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và sự điều phối, tổ chức thực hiện của các cơ quan nhà nước và các tổ chức, đoàn thể; là khâu then chốt, quan trọng để chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước thực sự đi vào cuộc sống xã hội, đi vào ý thức, hành động của từng chủ thể trong xã hội. Giáo dục pháp luật là cầu nối, là một kênh quan trọng chuyển tải pháp luật vào cuộc sống.

Trước hết, giáo dục pháp luật tác động lên đối tượng làm thay đổi và cung cấp thêm nhận thức về pháp luật cho đối tượng. Nếu không nhận thức đầy đủ vị trí quan trọng và không thực hiện tốt công tác giáo dục pháp luật thì dù công tác xây dựng pháp luật có làm tốt đến mấy cũng không đạt được hiệu quả thực thi pháp luật.

Pháp luật của Nhà nước không phải khi nào cũng được mọi người trong xã hội biết đến, tìm hiểu, đồng tình ủng hộ và thực hiện nghiêm chỉnh. Bản chất pháp luật của Nhà nước ta là tốt đẹp, nó phản ánh ý chí, nguyện vọng, mong muốn của đông đảo quần chúng nhân dân trong xã hội nhưng nếu không được nhân dân biết đến thì sẽ khó đạt được hiệu quả như mong muốn. Giáo dục pháp luật chính là phương tiện truyền tải những thông tin, những

yêu cầu, nội dung và các quy định pháp luật đến với người dân, giúp cho người dân hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời mà không mất quá nhiều thời gian, công sức cho việc tự tìm hiểu, tự học tập. Đó chính là phương tiện hỗ trợ tích cực để nâng cao hiểu biết pháp luật cho nhân dân.

Thứ hai giúp hình thành lòng tin vào pháp luật của đối tượng.

Pháp luật chỉ có thể được mọi người thực hiện nghiêm chỉnh khi họ tin tưởng vào những quy định của pháp luật. Pháp luật được xây dựng là để bảo vệ quyền và lợi ích của nhân dân, đảm bảo lợi ích chung của cộng đồng, đảm bảo công bằng và dân chủ xã hội. Khi nào người dân nhận thức đầy đủ được như vậy thì pháp luật không cần một biện pháp cưỡng chế nào mà mọi người vẫn tự giác thực hiện.

Tạo lập niềm tin vào pháp luật cho mỗi người và cả cộng đồng đòi hỏi sự kết hợp của nhiều yếu tố. Một trong các yếu tố đóng vai trò quan trọng là giáo dục pháp luật để mọi người hiểu biết về pháp luật, hiểu biết về quá trình thực hiện và áp dụng pháp luật. Pháp luật cũng như mọi hiện tượng khác trong xã hội bao giờ cũng có hai mặt, không phải lúc nào nó cũng thoả mãn hết, phản ánh được đầy đủ nguyện vọng, mong muốn của tất cả mọi người trong xã hội. Quá trình điều chỉnh pháp luật sẽ lấy lợi ích của đông đảo nhân dân trong xã hội làm tiêu chí, thước đo, do đó sẽ có một số ít không thoả mãn được. Chính các yếu tố hạn chế của các quy định pháp luật càng tạo nên sự cần thiết của công tác giáo dục pháp luật để mọi người hiểu đúng pháp luật, đồng tình ủng hộ pháp luật. Có như vậy mới hình thành lòng tin vào pháp luật của đông đảo nhân dân trong xã hội.

Thứ ba là nâng cao ý thức tự giác chấp hành pháp luật của đối tượng.

Ý thức pháp luật của người dân được hình thành từ hai yếu tố đó là tri thức pháp luật và tình cảm pháp luật.

Tri thức pháp luật là sự hiểu biết pháp luật của các chủ thể có được qua việc học tập, tìm hiểu pháp luật, qua quá trình tích luỹ kiến thức của hoạt

động thực tiễn và công tác. Tình cảm pháp luật chính là trạng thái tâm lý của các chủ thể khi thực hiện và áp dụng pháp luật, họ có thể đồng tình ủng hộ với những hành vi thực hiện đúng pháp luật, lên án các hành vi vi phạm pháp luật.

Ý thức tự giác chấp hành pháp luật của nhân dân chỉ có thể được nâng cao khi công tác giáo dục pháp luật cho nhân dân được tiến hành thường xuyên, kịp thời và có tính thuyết phục. Giáo dục pháp luật không đơn thuần là phổ biến các văn bản pháp luật đang có hiệu lực mà còn lên án các hành vi vi phạm pháp luật, đồng tình ủng hộ các hành vi thực hiện đúng pháp luật, hình thành dư luận và tâm lý đồng tình ủng hộ với hành vi hợp pháp, lên án các hành vi vi phạm pháp luật.

Giáo dục pháp luật nhằm hình thành, củng cố tình cảm tốt đẹp của con người với pháp luật, đồng thời ngày càng nâng cao sự hiểu biết của con người đối với các văn bản pháp luật và các hiện tượng pháp luật trong đời sống, từ đó nâng cao ý thức tự giác chấp hành pháp luật của nhân dân.

Thứ tư , giáo dục pháp luật góp phần nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

Vai trò quan trọng này của công tác giáo dục pháp luật bắt nguồn từ chính vai trò và giá trị xã hội của pháp luật là phương tiện hàng đầu để quản lý nhà nước, quản lý xã hội. Giáo dục pháp luật giúp cho mọi người có tri thức pháp lý, tình cảm pháp luật đúng đắn và hành vi hợp pháp, tạo tiền đề cho việc sử dụng quyền lực nhà nước, tăng cường pháp chế, phát huy dân chủ và quyền tự do của mỗi người.

Giáo dục pháp luật đồng thời tạo ra khả năng đổi mới các quan hệ xã hội trong môi trường quản lý nhà nước bằng pháp luật, hình thành các điều kiện và nhân tố thuận lợi cho quá trình quản lý nhà nước, quản lý xã hội; tạo ra khả năng phát hiện và loại trừ những hiện tượng tiêu cực, chống đối pháp luật diễn ra trong quá trình quản lý.

1.1.2. Nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục pháp luật

1.1.2.1. Nội dung của giáo dục pháp luật

Nội dung giáo dục pháp luật là yếu tố quan trọng của quá trình giáo dục pháp luật. Xác định đúng nội dung của giáo dục pháp luật là điều kiện cần thiết để công tác giáo dục pháp luật mang lại hiệu quả thiết thực.

Trước tiên, cần xác định phạm vi của nội dung giáo dục pháp luật là phải xuất phát từ mục đích, nhiệm vụ của giáo dục pháp luật. Đó là: trang bị tri thức pháp luật, bồi dưỡng tâm lý, tình cảm pháp luật và hướng dẫn hình thành thói quen xử sự tích cực theo pháp luật. Mỗi hoạt động giáo dục pháp luật đều phải hướng tới những mục đích này không cần theo thứ tự trước sau bởi trong thực tế cuộc sống, mỗi sự kiện pháp lý mà công dân tham gia hay chứng kiến đều có tác động đồng thời tới tri thức, tình cảm, hành động của họ trong mối quan hệ pháp luật. Vì vậy, mỗi hoạt động giáo dục pháp luật đều phải nhằm định hướng cho người được giáo dục về cả tri thức, tình cảm, hành vi. Tuy vậy, tri thức pháp luật vẫn là yếu tố đầu tiên, có tính quyết định vào quá trình hình thành nhận thức đúng đắn và khả năng lựa chọn những hành vi hợp pháp. Do đó, nội dung giáo dục pháp luật bao gồm một phạm vi rộng nhưng lại mang đặc thù riêng đó là:

- Các thông tin về pháp luật, bao gồm cả kiến thức pháp luật cơ bản và văn bản pháp luật thực định.
- Các thông tin về việc thực hiện pháp luật, về tình hình vi phạm pháp luật và tội phạm, về việc điều tra, xử lý các vi phạm pháp luật cũng như về việc điều tra, xử lý những vi phạm đó.
- Các thông tin về kết quả nghiên cứu, điều tra về việc thực hiện pháp luật, áp dụng pháp luật; về vị trí của từng văn bản pháp luật với đời sống kinh tế - xã hội đặc biệt là những văn bản pháp luật ảnh hưởng lớn tới đời sống của nhân dân. Qua đó, phản ánh những nhu cầu, yêu cầu của nhân dân góp phần hoàn thiện pháp luật.

- Các thông tin hướng dẫn hành vi pháp luật cụ thể của công dân đó là quyền, nghĩa vụ và các quy trình pháp lý để công dân bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Nếu được trang bị đầy đủ và thường xuyên những thông tin nêu trên, người được giáo dục sẽ có một hệ thống tri thức pháp luật cần thiết để có thể vận dụng vào thực tiễn cuộc sống của mình hoặc những vấn đề họ chứng kiến, từ đó định hướng cho hành vi của mình. Đây là một quá trình lâu dài đòi hỏi người tuyên truyền viên cần phải tìm hiểu kĩ nhu cầu, điều kiện của người được giáo dục. Hơn nữa, cần phải nhận thức rõ rằng, hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay luôn biến động, vừa chồng chéo, vừa kém hiệu quả, hiệu lực, luôn trong trạng thái phải sửa đổi, bổ sung. Điều đó đặt ra yêu cầu với người tuyên truyền viên cần lựa chọn những nội dung giáo dục pháp luật sao cho vừa có tính ổn định vừa có tính linh hoạt.

Mỗi đối tượng khác nhau cần có nội dung giáo dục pháp luật khác nhau. Dựa trên những nghiên cứu về nhu cầu, đặc điểm của đối tượng người ta chia ra làm 3 mức độ về yêu cầu nội dung giáo dục pháp luật như sau:

- Yêu cầu tối thiểu về nội dung giáo dục pháp luật cho mọi công dân: Nhà nước pháp quyền là một nhà nước thượng tôn pháp luật, Nhà nước sử dụng pháp luật để quản lý xã hội. Để có thể làm được điều đó đòi hỏi mọi công dân trong xã hội đều phải có những kiến thức cơ bản về pháp luật, có những kiến thức cơ bản đó, họ sẽ dần hình thành những kỹ năng tối thiểu để sử dụng pháp luật để thực hiện, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp cũng như các nghĩa vụ của mình trước xã hội. Nội dung tối thiểu của giáo dục pháp luật cho mọi công dân bao gồm:

+ Thông tin cơ bản về tổ chức bộ máy Nhà nước

+ Các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân do Hiến pháp và một số đạo luật quy định. Đặc biệt là các quyền con người được quy định trong Hiến pháp mới.

+ Một số trình tự, thủ tục pháp lý để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp cũng như thực hiện các nghĩa vụ cơ bản của công dân.

- Yêu cầu riêng về giáo dục pháp luật theo nhu cầu ngành nghề: mỗi công dân hoạt động trong những lĩnh vực khác nhau có những nhu cầu hiểu biết và kĩ năng sử dụng các phương tiện pháp luật khác nhau ở mức độ cao hơn và tính định hướng nghề nghiệp rõ hơn. Ngoài những nội dung giáo dục pháp luật cơ bản nêu trên, nội dung giáo dục pháp luật theo nhu cầu ngành nghề bao gồm:

+ Một số quy định pháp luật thực định có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của công dân.

+ Các quyền và nghĩa vụ cụ thể của công dân trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động nghề nghiệp của công dân; cùng với quá trình tố tụng và vị trí của họ nếu tham gia vào quá trình tố tụng để thực hiện và bảo vệ các quyền và nghĩa vụ đó.

- Yêu cầu về giáo dục pháp luật chuyên ngành cho những người hành nghề pháp luật: đối với những người hành nghề pháp luật thì yêu cầu đòi hỏi về nội dung giáo dục pháp luật phải là cao nhất. Nó bao gồm những quan điểm, học thuyết về Nhà nước và pháp luật trong lịch sử và hiện tại, cùng với đó là sự hiểu biết tương đối toàn diện về hệ thống pháp luật trong nước và quốc tế. Họ cần nắm vững để tuân thủ và vận dụng chính xác, linh hoạt vào các quan hệ pháp luật, vào việc xử lý, giải quyết các tranh chấp, vi phạm pháp luật.

1.1.2.2. Hình thức của giáo dục pháp luật

Hình thức giáo dục pháp luật là cách thức tổ chức hoạt động giáo dục pháp luật, cách tiến hành một hoạt động cụ thể để đạt được mục đích hình thành ở đối tượng tình cảm, tri thức và hành vi pháp lý phù hợp với yêu cầu, đòi hỏi của pháp luật.

Các hình thức giáo dục pháp luật đang được sử dụng trong thực tiễn công tác giáo dục pháp luật là rất đa dạng, phong phú đang được vận dụng

ngày càng rộng rãi, phổ biến trong công tác giáo dục nâng cao ý thức pháp luật, hình thành nếp sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật của công dân. Có thể kể đến những hình thức giáo dục pháp luật sau:

a. Các hình thức giáo dục pháp luật truyền thống

Tuyên truyền miệng: Tuyên truyền miệng về pháp luật là một hình thức tuyên truyền mà người nói trực tiếp nói với người nghe về lĩnh vực pháp luật trong đó chủ yếu là các văn bản pháp luật đó nhằm nâng cao nhận thức về pháp luật, niềm tin vào pháp luật và ý thức pháp luật cho người nghe và kích thích người nghe hành động theo các chuẩn mực pháp luật.

Tuyên truyền miệng về pháp luật có nhiều ưu thế thể hiện ở tính linh hoạt, có thể tiến hành ở bất cứ nơi nào, trong bất kỳ điều kiện, hoàn cảnh nào và số lượng người nghe; người nói có điều kiện thuận lợi để giải thích, phân tích, làm sáng tỏ nội dung cần tuyên truyền, hai bên có thể hỏi đáp trực tiếp để đáp ứng yêu cầu của nhau.

Giáo dục pháp luật thông qua hệ thống truyền thanh cơ sở, báo in, báo hình

- Báo in

- Báo hình

- Loa truyền thanh cơ sở được sử dụng phổ biến, giáo dục pháp luật chủ yếu tại các đơn vị xã, phường, thị trấn.

Giáo dục pháp luật thông qua việc biên soạn, phát hành tài liệu pháp luật

Đây là hình thức giáo dục pháp luật được áp dụng rộng rãi, gần gũi với người dân và đóng một vai trò lớn trong hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật, là cẩm nang, phương tiện hoạt động của những người làm công tác giáo dục pháp luật.

Tài liệu giáo dục pháp luật gồm nhiều loại như đề cương tuyên truyền, văn bản pháp luật, sách hướng dẫn, giải thích pháp luật, sách pháp luật bỏ túi,

sách hỏi đáp pháp luật, tờ rơi, tờ gấp, bản tin, tranh áp phích, lịch… Trong

tuyên truyền miệng, trong các hoạt động hoà giải, trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật, công tác giảng dạy và học tập pháp luật trong nhà trường… đều sử dụng tài liệu pháp luật để thực hiện giáo dục pháp luật.

Giáo dục pháp luật thông qua hoạt động giáo dục pháp luật trong nhà trường

Đây là một trong các hình thức giáo dục pháp luật được thực hiện thông qua việc dạy và học pháp luật trong các nhà trường nhằm thực hiện mục tiêu của giáo dục là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, góp phần hình thành và bồi dưỡng ý thức công dân, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Giáo dục pháp luật thông qua tủ sách pháp luật

Tủ sách pháp luật là công cụ hữu hiệu để đưa pháp luật vào hoạt động của cơ quan nhà nước nói chung, đặc biệt là quá trình điều hành của bộ máy chính quyền cơ sở, và vào đời sống của các cộng đồng dân cư, góp phần tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Thông qua việc tìm hiểu, nghiên cứu, đọc các sách, tài liệu pháp luật của tủ sách, người đọc tập hợp nghiên cứu, tìm hiểu và vận dụng các quy định của pháp luật vào thực tế một cách đầy đủ, có hệ thống, chính xác và thống nhất.

Giáo dục pháp luật thông qua sinh hoạt câu lạc bộ pháp luật

Câu lạc bộ pháp luật là một tổ chức sinh hoạt pháp lý tự nguyện của những người có nhu cầu tìm hiểu pháp luật, có tinh thần tham gia đấu tranh bảo vệ pháp luật, nhiệt tình tuyên truyền giáo dục pháp luật.

Đó là hình thức giáo dục pháp luật qua sinh hoạt của hội viên, khách mời để giao lưu, học tập, trao đổi kiến thức pháp luật cần thiết, tạo điều kiện để họ đề đạt và kiến nghị với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến công tác xây dựng, tuyên truyền, phổ biến và thực thi pháp luật.

Giáo dục pháp luật thông qua tổ chức cuộc thi tìm hiểu pháp luật

Thi tìm hiểu pháp luật là một trong các hoạt động giáo dục pháp luật, là cầu nối chuyển tải những nội dung pháp luật vào cuộc sống, là hình thức sinh hoạt văn hoá pháp lý có sức hấp dẫn và hiệu quả. Đây là một trong những hình thức giáo dục pháp luật hấp dẫn, có hiệu quả cao và được sử dụng nhiều. Những nội dung pháp luật được chuyển tải đến các đối tượng thông qua cuộc thi một cách đơn giản, ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ hơn, sinh động hơn, tránh được sự cứng nhắc, khô cứng. Bên cạnh đó, kiến thức pháp luật, kỹ năng tuyên truyền pháp luật của người tổ chức cũng được trau dồi, gọt dũa.

Kết quả giáo dục pháp luật thông qua hình thức thi tìm hiểu pháp luật tác động trực tiếp đến ý thức pháp luật của người dự thi, qua đó là nơi giao lưu, học hỏi kinh nghiệm, kiến thức pháp luật và kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật của cả người tổ chức cuộc thi và người theo dõi, tìm hiểu cuộc thi.

Giáo dục pháp luật thông qua các loại hình tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý

Tư vấn pháp luật là việc giải đáp pháp luật, hướng dẫn ứng xử đúng pháp luật, cung cấp dịch vụ pháp lý nhằm giúp công dân, tổ chức trong nước và nước ngoài thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của họ. Thông qua tư vấn pháp luật, luật sư góp phần tuyên truyền, phổ biến, giải thích pháp luật nhằm nâng cao văn hoá pháp lý cho công dân trong cộng đồng xã hội. Hoạt động tư vấn pháp luật là cầu nối quan trọng giữa người xây dựng pháp luật, áp dụng pháp luật, thực thi pháp luật và những người là đối tượng của việc áp dụng pháp luật.

Trợ giúp pháp lý là sự giúp đỡ miễn phí của các tổ chức trợ giúp pháp lý của Nhà nước cho người nghèo, đối tượng chính sách và đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận với các dịch vụ pháp lý (tư vấn pháp luật, đại diện, bào chữa) nhằm bảo đảm cho mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật và thực hiện công bằng xã hội.

Giáo dục pháp luật thông qua hoạt động tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý sẽ giúp các đối tượng nắm bắt được các thông tin pháp lý, hiểu được quyền và nghĩa vụ của mình trong các quan hệ pháp luật, hướng dẫn phương pháp xử sự các hoàn cảnh cụ thể phù hợp với pháp luật và tránh được những hậu quả pháp lý bất lợi, hướng dẫn công dân, tổ chức tôn trọng và thi hành nghiêm chỉnh pháp luật, góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Giáo dục pháp luật thông qua hoạt động hoà giải ở cơ sở

Giáo dục pháp luật thông qua hoạt động hoà giải ở cơ sở là việc các tổ viên hoà giải bằng hoạt động hoà giải của mình cung cấp các kiến thức pháp luật, bồi dưỡng tình cảm pháp luật cho các bên tranh chấp và những người khác trong cộng đồng dân cư nhằm mục đích hình thành ở họ sự hiểu biết pháp luật, ý thức tôn trọng pháp luật và thói quen hành động theo pháp luật.

Giáo dục pháp luật thông qua các loại hình văn hoá, văn nghệ

Giáo dục pháp luật thông qua các loại hình văn hoá, văn nghệ là đưa tinh thần một quy phạm pháp luật, một văn bản pháp luật vào đời sống xã hội bằng "ngôn ngữ" của một loại hình văn hoá, văn nghệ nào đó như kịch, lễ hội, áp phích….

b. Một số hình thức giáo dục pháp luật khác.

Ngoài các hình thức giáo dục pháp luật mang tính truyền thống đã được sử dụng thường xuyên, rộng rãi trong giáo dục pháp luật, trên thực tế, có một số hình thức giáo dục pháp luật khác xuất hiện những năm gần đây do yêu cầu thực tiễn của công tác giáo dục pháp luật giai đoạn hiện nay như:

Thứ nhất, giáo dục pháp luật thông qua hoạt động thực thi pháp luật. Theo tinh thần công tác giáo dục pháp luật được xác định là nhiệm vụ thường xuyên, nhiệm vụ hàng ngày của các cơ quan, tổ chức; là nhiệm vụ của toàn bộ hệ thống chính trị, vì vậy, các cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ giáo dục pháp luật cho cán bộ, nhân dân trong khi thực thi pháp luật.

Thứ hai, giáo dục pháp luật thông qua việc xây dựng, thực hiện hương ước của thôn, làng, bản, ấp, quy chế của cơ quan, điều lệ của các tổ chức đoàn thể xã hội.

Thứ ba, giáo dục pháp luật thông qua việc thực hiện ký cam kết gia đình không có thành viên vi phạm pháp luật; xây dựng các điểm sáng về chấp hành pháp luật ở cộng đồng dân cư.

Thứ tư, tổ chức các cuộc điều tra thăm dò dư luận xã hội để thu thập thông tin phản hồi của cán bộ, nhân dân về hiệu quả thực thi pháp luật, nhu cầu thông tin phổ biến, giáo dục pháp luật để từ đó điều chỉnh nội dung, hình thức, biện pháp phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp với yêu cầu của thực tiễn.

Ngoài các hình thức nêu trên, trong thời đại công nghệ thông tin phát triển nhanh như hiện nay đã góp phần hình thành một hình thức giáo dục pháp luật mới là giáo dục pháp luật gắn với ứng dụng công nghệ thông tin, mạng internet.

1.1.2.3. Phương pháp giáo dục pháp luật

Phương pháp giáo dục pháp luật là cách thức nhận thức, nghiên cứu pháp luật, là hệ thống các cách sử dụng để tiến hành hoạt động giáo dục pháp luật.

Có 2 loại phương pháp giáo dục pháp luật đó là:

Các phương pháp áp dụng trong một hoạt động giáo dục pháp luật cụ thể: đó là các cách thức, biện pháp để đặt vấn đề, tiếp cận vấn đề cần thông tin, giáo dục; để giải thích, làm rõ các tư tưởng, chính trị, pháp luật, các nguyên tắc pháp luật, nội dung các quy phạm pháp luật; để lý giải các hiện tượng pháp lý một cách dễ hiểu, có sức thuyết phục, đảm bảo mục đích của giáo dục pháp luật.

Người làm công tác giáo dục pháp luật với những hiểu biết và kinh nghiệm của mình về pháp luật cần sử dụng các phương pháp như: phương

pháp sư phạm, phương pháp tư duy logic, phương pháp tâm lý, phương pháp thực hành, giải quyết các tình huống cụ thể, trực quan… để chuẩn bị và tiến

hành các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật. Nguyên tắc chung khi sử dụng các phương pháp này là kết hợp lý luận, nguyên tắc với thực tiễn thi hành pháp luật.

Các phương pháp tổ chức giáo dục pháp luật: các phương pháp này nhằm đưa ra những mô hình lãnh đạo, chỉ đạo phối hợp giáo dục pháp luật… có hiệu quả trong những điều kiện cụ thể ở từng cấp, từng địa phương, từng ngành.

1.1.3. Những vấn đề lý luận của giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường

Ở Việt Nam, theo khoản 1 Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 *Môi trường* được hiểu là hệ thống các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo có tác động đối với sự tồn tại và phát triển của con người và sinh vật".

Từ khái niệm giáo dục pháp luật và khái niệm môi trường, có thể hiểu :

Giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường là hoạt động có định hướng, có tổ chức, có chủ đích của chủ thể giáo dục thông qua các hình thức, phương pháp khác nhau nhằm truyền đạt tinh thần, nội dung pháp luật về môi trường giúp cho đối tượng tác động hiểu và hình thành ở họ tri thức pháp luật, tình cảm, hành vi phù hợp với các đòi hỏi của các quy định pháp luật môi trường hiện hành.

Giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường mang đầy đủ những đặc điểm của giáo dục pháp luật nói chung. Song bên cạnh đó, với đặc thù của mình, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường còn mang những đặc điểm riêng.

Về đối tượng giáo dục pháp luật, có thể nói đối tượng của giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường rất rộng lớn, nó không giới hạn ở bất kì một nhóm đối tượng cụ thể nào mà dành cho tất cả các công dân có nhận thức trong xã hội. Tuy vậy, về mức độ gây ảnh hưởng đến môi trường, ta có thể chia đối tượng giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường thành các nhóm sau:

- Những người là chủ các cơ sở sản xuất kinh doanh, chủ các doanh

nghiệp, những người này trong chừng mực nhất định đã có những hiểu biết

nhất định về xã hội, có trình độ văn hóa nhất định, có một số hiểu biết về pháp luật. Đó là điều kiện thuận lợi cho việc tiến hành giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường đạt được hiệu quả. Tuy nhiên, đối với nhóm đối tượng này, họ luôn đặt yêu cầu lợi nhuận lên trên mà bỏ qua những quy định về bảo vệ môi trường.

- Những hộ dân ở những làng nghề truyền thống, họ là những người lao động tự do, phát triển nghề truyền thống của làng quê mình để góp phần phục vụ nhu cầu xã hội. Tuy nhiên, về thành phần, loại đối tượng này cũng rất phong phú, rất khác nhau về trình độ văn hóa, khả năng nhận thức và vị trí xã hội. Do vậy, đối với họ cần có các hình thức, biện pháp giáo dục khác nhau thì mới có hiệu quả.
- Những người làm công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Một trong những đặc điểm nổi bật của đối tượng này thể hiện ở chỗ họ là những người trực tiếp thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các địa phương. Do đó, ở một góc độ nhất định, họ vừa là đối tượng, vừa là chủ thể của công tác giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường. Giáo dục pháp luật ở đối tượng này cần hướng đến mục tiêu là trang bị cho họ không chỉ những kiến thức pháp luật cần thiết cho công tác chuyên môn mà còn khả năng vận dụng pháp luật, xử lý đúng đắn các vi phạm pháp luật môi trường theo đúng trách nhiệm, quyền hạn của mình.

Về nội dung giáo dục pháp luật, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường tập trung vào những nội dung như các thông tin về pháp luật bảo vệ môi trường, các thông tin về việc thực hiện pháp luật môi trường, các thông tin về tình hình vi phạm và tội phạm môi trường, các chế tài xử lý vi phạm.

Về hình thức giáo dục pháp luật, với các đặc điểm về nội dung, hình thức của giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường thường sử dụng những hình thức giáo dục pháp luật truyền thống. Các hình thức hay được sử dụng nhất là tuyên truyền miệng, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, hoặc thông qua các cuộc thi tìm hiểu pháp luật.

Về chủ thể tiến hành, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường được tiến hành bởi các tuyên truyền viên pháp luật là chủ yếu. Tuy nhiên, có rất ít địa phương có đội ngũ tuyên truyền viên pháp luật chuyên biệt về pháp luật bảo vệ môi trường mà chỉ là kiêm nhiệm, vì vậy, hiệu quả công tác chưa đạt được kết quả như mong muốn.

1.2. Vai trò của pháp luật trong việc bảo vệ môi trường

Hệ thống pháp luật đã bảo vệ môi trường bằng việc thể chế hóa các chính sách, kế hoạch của Đảng, nhà nước trong công tác bảo vệ môi trường và quy định các phương tiện, biện pháp, nhân lực,... để đảm bảo thực hiện các chính sách, kế hoạch đó. Chính vì thế, pháp luật về bảo vệ môi trường đã trở thành một công cụ hữu hiệu để quản lý và bảo vệ môi trường. Đặc biệt, thời gian qua pháp luật về bảo vệ môi trường ở nước ta đã từng bước được xây dựng và hoàn thiện, góp phần điều chỉnh các quan hệ xã hội liên quan đến lĩnh vực môi trường. Vai trò của pháp luật trong việc bảo vệ môi trường được thể hiện qua những khía cạnh sau:

Pháp luật quy định các quy tắc xử sự cho con người khi tác động đến môi trường.

Pháp luật đã định hướng các hành vi con người theo hướng có lợi cho môi trường, đảm bảo các hành vi của con người không xâm hại tới môi trường, hạn chế những tác hại, ngăn chặn suy thoái và ô nhiễm môi trường.

Pháp luật quy định các chế tài ràng buộc con người thực hiện những đòi hỏi của pháp luật để bảo vệ môi trường.

Trong thực tế các chủ thể khi tham gia hoạt động kinh tế xã hội thường chỉ chú ý tới lợi ích của mình mà bỏ qua lợi ích chung của môi trường, cộng đồng, bỏ qua nghĩa vụ phải thực hiện với môi trường và không tự giác thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường. Chẳng hạn, khi thực hiện nghĩa vụ đánh giá tác động môi trường, các chủ dự án thường không thấy trước lợi ích của

mình do đó luôn tìm cách lẩn tránh nghĩa vụ pháp lý với môi trường. Khi đó, chế tài mà pháp luật quy định đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ lợi ích của chính tổ chức, cá nhân và lợi ích chung lâu dài của xã hội. Các chế tài đó không chỉ là biện pháp trừng phạt vi phạm pháp luật môi trường, ngăn ngừa, giáo dục cải tạo chủ thể vi phạm mà còn răn đe chủ thể khác để họ tự giác tuân theo các quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, qua đó ngăn ngừa và hạn chế tác động xấu do con người gây ra cho môi trường.

Vì thế, pháp luật quy định các chế tài hành chính, dân sự. hình sự để buộc các tổ chức, cá nhân phải thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật trong việc khai thác và sử dụng các yếu tố môi trường.

Pháp luật quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

Như ta đã biết, tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội đều cần phải có sự quản lý của nhà nước và môi trường cũng không là ngoại lệ. Hơn thế, bảo vệ môi trường còn là một hoạt động, nhiệm vụ phức tạp bởi môi trường là phạm vi rộng lớn và có kết cấu phức tạp nên rất cần có hệ thống tổ chức quản lý phù hợp, hiệu quả.

Pháp luật đã có vai trò to lớn trong việc tạo ra cơ chế hoạt động cho các tổ chức, cơ quan bảo vệ môi trường.

Cụ thể là nhờ có pháp luật, nhà nước xây dựng và tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường với các nội dung như: kiểm soát ô nhiễm, suy thoái sự cố môi trường; bảo tồn đa dạng sinh học (Luật đa dạng sinh học năm 2008); đánh giá tác động môi trường và đánh giá môi trường chiến lược; kiểm soát ô nhiễm nước, ô nhiễm không khí, suy thoái đất, suy thoái rừng, nguồn thủy sinh, nguồn gen và kiểm soát ô nhiễm đối với các hoạt động có ảnh hưởng đặc biệt tới môi trường; thanh tra và kiểm tra xử lý và giải quyết tranh chấp về môi trường; thực thi các công ước quốc tế về kiểm soát ô

nhiễm ở Việt Nam, thực thi các điều ước quốc tế về đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên ở Việt Nam.

Việc ban hành các văn bản pháp luật tạo ra cơ sở pháp lý để các cơ quan này thực hiện các chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của mình, đảm bảo hoàn thành tốt công tác quản lý Nhà nước đối với môi trường. Pháp luật cũng phân chia nhiệm vụ giữa các cơ quan, tránh việc quản lý chồng chéo, đồng thời tao ra sự phối hợp nhịp nhàng, đồng bộ giữa các cơ quan, nâng cao hiệu quả của quản lý Nhà nước về môi trường.

Pháp luật đặt ra các tiêu chuẩn, tiêu chí bảo vệ môi trường

Tiêu chuẩn môi trường là giới hạn cho phép của các thông số về chất lượng môi trường xung quanh, về hàm lượng các chất gây ô nhiễm trong chất thải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định làm căn cứ để quản lý và bảo vệ môi trường.

Thông qua pháp luật mà các tiêu chuẩn môi trường sẽ được các tổ chức, cá nhân tuân thủ nghiêm ngặt khi khai thác, sử dụng các yếu tố của môi trường. Đồng thời các tiêu chuẩn môi trường cũng là cơ sở pháp lý cho việc xác định các hành vi vi phạm luật môi trường và truy cứu trách nhiệm với những hành vi đó.

Ví dụ: Trong thông tư quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường của Bộ tài nguyên môi trường ban hành ngày 25/10/2013 có: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh đã quy định giá trị giới hạn các thông số cơ bản trong không khí xung quanh (đơn vị µg/m3) các thông số SO2, CO, NO2, O3, Tổng bụi lơ lửng (TSP), Bụi PM10, Bụi PM2,5, Pb lần lượt là: 350, 30.000, 200, 200, 300, không quy định (KQĐ), KQĐ, KQĐ.

Pháp luật quy định khen thưởng, ủng hộ những hành vi bảo vệ môi trường.

Tại khoản 2, điều 63, Hiến Pháp 2013 quy định : " *Nhà nước khuyến khích mọi hoạt động bảo vệ môi trường, phát triển, sử dụng năng lượng mới,*

năng lượng tái tạo". Qua đó, pháp luật quy định tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động bảo vệ môi trường, phát hiện sớm và báo cáo kịp thời các dấu hiệu sự cố môi trường, khắc phục sự cố môi trường, suy thoái môi trường, ngăn chặn các hành vi huỷ hoại môi trường thì được khen thưởng. Những người tham gia bảo vệ môi trường, khắc phục sự cố môi trường, ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường và đấu tranh chống các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường mà bị thiệt hại tài sản, sức khoẻ hoặc tính mạng thì được bồi thường theo quy định của pháp luật.

1.3.Bảo vệ môi trường và vai trò, ý nghĩa của giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường

1.3.1. Nhận thức chung về môi trường và bảo vệ môi trường

Môi trường tự nhiên bao gồm các nhân tố thiên nhiên như vật lý, hoá học, sinh học, tồn tại ngoài ý muốn của con người, nhưng cũng ít nhiều chịu tác động của con người. Đó là ánh sáng mặt trời, núi, sông, biển cả, không khí, động, thực vật, đất, nước... Môi trường tự nhiên cho ta không khí để thở, đất để xây dựng nhà cửa, trồng cây, chăn nuôi, cung cấp cho con người các loại tài nguyên khoáng sản cần thiết cho sản xuất, tiêu thụ và là nơi chứa đựng, đồng hoá các chất thải, cung cấp cho ta cảnh đẹp để giải trí, làm cho cuộc sống con người thêm phong phú.

Môi trường xã hội là tổng thể các quan hệ giữa người với người. Đó là những luật lệ, thể chế, cam kết, quy định, ước định... ở các cấp khác nhau như: Liên hợp quốc, Hiệp hội các nước, quốc gia, tỉnh, huyện, cơ quan, làng xã, họ tộc, gia đình, tổ nhóm, các tổ chức tôn giáo, tổ chức đoàn thể,... Môi trường xã hội định hướng hoạt động của con người theo một khuôn khổ nhất định, tạo nên sức mạnh tập thể thuận lợi cho sự phát triển, làm cho cuộc sống của con người khác với các sinh vật khác.

Ngoài ra, người ta còn phân biệt khái niệm môi trường nhân tạo, bao gồm tất cả các nhân tố do con người tạo nên, làm thành những tiện nghi

trong cuộc sống, như ôtô, máy bay, nhà ở, công sở, các khu vực đô thị, công viên nhân tạo...

Môi trường theo nghĩa rộng là tất cả các nhân tố tự nhiên và xã hội cần thiết cho sự sinh sống, sản xuất của con người, như tài nguyên thiên nhiên, không khí, đất, nước, ánh sáng, cảnh quan, quan hệ xã hội...

Môi trường theo nghĩa hẹp không xét tới tài nguyên thiên nhiên, mà chỉ bao gồm các nhân tố tự nhiên và xã hội trực tiếp liên quan tới chất lượng cuộc sống con người. Ví dụ: môi trường của học sinh gồm nhà trường với thầy giáo, bạn bè, nội quy của trường, lớp học, sân chơi, phòng thí nghiệm, vườn trường, tổ chức xã hội như: Đoàn, Đội. Các hương ước dòng tộc, làng xóm với những quy định thành văn hoặc chỉ truyền miệng nhưng vẫn được công nhận, thi hành. Với các cơ quan hành chính các cấp thực hiện các quy định của luật pháp, nghị định, thông tư.

Dưới góc độ pháp lý môi trường bao gồm các yếu tố tự nhiên và vật chất nhân tạo bao quanh con người, có ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất, sự tồn tại, phát triển của con người và sinh vật. Thành phần môi trường là yếu tố vật chất tạo thành môi trường như đất, nước, không khí, âm thanh, ánh sáng, sinh vật, hệ sinh thái và các hình thái vật chất khác (theo khoản 1 và khoản 2 Điều 3 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2005).

Theo khoản 1 Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 *Môi trường* được hiểu là hệ thống các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo có tác động đối với sự tồn tại và phát triển của con người và sinh vật".

Theo khoản 3 Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 "*Hoạt động bảo vệ môi trường* là hoạt động giữ gìn, phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đến môi trường; ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm, suy thoái, cải thiện, phục hồi môi trường; khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên nhằm giữ môi trường trong lành".

Tóm lại, môi trường là tất cả những gì có xung quanh ta, cho ta cơ sở để sống và phát triển.

1.3.2. Vai trò của môi trường và bảo vệ môi trường đối với xã hội hiện đại

Môi trường có các vai trò cơ bản sau:

- Môi trường là không gian sống của con người và các loài sinh vật.
- Môi trường là nơi cung cấp tài nguyên cần thiết cho cuộc sống và hoạt động sản xuất của con người.
- Môi trường là nơi chứa đựng các chất phế thải do con người tạo ra trong cuộc sống và hoạt động sản xuất của mình.
- Môi trường là nơi giảm nhẹ các tác động có hại của thiên nhiên tới con người và sinh vật trên trái đất.
- Môi trường là nơi lưu trữ và cung cấp thông tin cho con người.

Con người luôn cần một khoảng không gian dành cho nhà ở, sản xuất lương thực và tái tạo môi trường. Con người có thể gia tăng không gian sống cần thiết cho mình bằng việc khai thác và chuyển đổi chức năng sử dụng của các loại không gian khác như khai hoang, phá rừng, cải tạo các vùng đất và nước mới. Việc khai thác quá mức không gian và các dạng tài nguyên thiên nhiên có thể làm cho chất lượng không gian sống mất đi khả năng tự phục hồi.

Môi trường là nơi con người khai thác nguồn vật liệu và năng lượng cần thiết cho hoạt động sản xuất và cuộc sống như: đất, nước, không khí, khoáng sản và các dạng năng lượng như gỗ, củi, nắng, gió,... Các sản phẩm công, nông, lâm, ngư nghiệp và văn hoá, du lịch của con người đều bắt nguồn từ các dạng vật chất tồn tại trên trái đất và không gian bao quanh trái đất.

Các nguồn năng lượng, vật liệu sau mỗi lần sử dụng được tuần hoàn quay trở lại dạng ban đầu được gọi là tài nguyên tái tạo. Ví dụ như nước

ngọt, đất, sinh vật, v.v. là loại tài nguyên mà sau một chu trình sử dụng sẽ trở lại dạng ban đầu.

Trái lại, các nguồn năng lượng, vật liệu bị mất mát, biến đổi hoặc suy thoái không trở lại dạng ban đầu thì được gọi là tài nguyên không tái tạo. Ví dụ như tài nguyên khoáng sản, nguồn gien di truyền. Tài nguyên khoáng sản sau khi khai thác từ mỏ, sẽ được chế biến thành các vật liệu của con người, do đó sẽ cạn kiệt theo thời gian. Tài nguyên gien di truyền của các loài sinh vật quý hiếm, có thể mất đi cùng với sự khai thác quá mức và các thay đổi về môi trường sống.

Với sự phát triển của khoa học kỹ thuật, con người ngày càng tăng cường khai thác các dạng tài nguyên mới và gia tăng số lượng khai thác, tạo ra các dạng sản phẩm mới có tác động mạnh mẽ tới chất lượng môi trường sống.

1.4.Ý nghĩa của giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường ở Việt Nam hiện nay

Năm 1987, tại Hội nghị về môi trường ở Moscow do UNEP và UNESCO đồng tổ chức, đã đưa ra kết luận về tầm quan trọng của giáo dục môi trường: "Nếu không nâng cao được sự hiểu biết của công chúng về những mối quan hệ mật thiết giữa chất lượng môi trường với quá trình cung ứng liên tục các nhu cầu ngày càng tăng của họ, thì sau này sẽ khó làm giảm bớt được những mối nguy cơ về môi trường ở các địa phương cũng như trên toàn thế giới. Bởi vì, hành động của con người tùy thuộc vào động cơ của họ và động cơ này lại tùy thuộc vào chính nhận thức và trình độ hiểu biết của họ. Do đó, giáo dục môi trường là một phương tiện không thể thiếu để giúp mọi người hiểu biết về môi trường".

Hội nghị quốc tế về Giáo dục môi trường của Liên hợp quốc tổ chức tại Tbilisi vào năm 1977 đã đưa ra khái niệm: "Giáo dục môi trường có mục đích làm cho cá nhân và các cộng đồng hiểu được bản chất phức tạp của môi

trường tự nhiên và môi trường nhân tạo là kết quả tương tác của nhiều nhân tố sinh học, lý học, xã hội, kinh tế và văn hóa; đem lại cho họ kiến thức, nhận thức về giá trị, thái độ và kỹ năng thực hành để họ tham gia một cách có trách nhiệm và hiệu quả trong phòng ngừa và giải quyết các vấn đề môi trường và quản lý chất lượng môi trường".

Giáo dục môi trường không phân biệt giáo dục cho đông đảo nhân dân, giáo dục trong các trường phổ thông, giáo dục đại học hay trung học chuyên nghiệp đều nhằm mục tiêu đem lại cho các đối tượng được giáo dục có cơ hội:

- Hiểu biết bản chất của các vấn đề môi trường: tính phức tạp, quan hệ nhiều mặt, nhiều chiều, tính hạn chế của tài nguyên thiên nhiên và khả năng chịu tải của môi trường, mối quan hệ chặt chẽ giữa môi trường và phát triển, giữa môi trường địa phương, vùng, quốc gia với môi trường khu vực và toàn cầu. Mục tiêu này thực chất là trang bị cho các đối tượng được giáo dục các kiến thức về môi trường.
- Nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của các vấn đề môi trường như một nguồn lực để sinh sống, lao động và phát triển, đối với bản thân họ cũng như đối với cộng đồng, quốc gia của họ và quốc tế, từ đó có thái độ, cách ứng xử đúng đắn trước các vấn đề môi trường, xây dựng cho mình quan niệm đúng đắn về ý thức trách nhiệm, về giá trị nhân cách để dần hình thành các kỹ năng thu thập số liệu và phát triển sự đánh giá thẩm mỹ. Mục tiêu này có định hướng xây dựng thái độ, cách đối xử thân thiện với môi trường.
- Có tri thức, kỹ năng, phương pháp hành động để nâng cao năng lực trong việc lựa chọn phong cách sống thích hợp với việc sử dụng một cách hợp lý và khôn ngoan các nguồn tài nguyên thiên nhiên, để họ có thể tham gia hiệu quả vào việc phòng ngừa và giải quyết các vấn đề môi trường cụ thể nơi họ ở và làm việc.

Giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường hoàn toàn không tách rời những giá trị về kiến thức, kinh nghiệm thực tế và cách thức thực hiện của từng địa phương hay khu vực về một quá trình tạo lập và phát triển bền vững. Giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường luôn trân trọng những tri thức bản địa và ủng hộ việc giáo dục tương ứng với việc học tập dựa trên môi trường địa phương, coi trọng việc giáo dục toàn cầu cũng như giáo dục môi trường địa phương, thậm chí về mặt cam kết và hành động lại hướng về cụ thể và địa phương: "Nghĩ – Toàn cầu, Hành động – Địa phương".

Những thông tin, kiến thức về môi trường được tích luỹ trong mỗi cá nhân sẽ nuôi dưỡng và nâng cao ý thức và tinh thần trách nhiệm về bảo vệ môi trường của chính họ, tạo nên những động cơ mạnh mẽ, những cam kết vững chắc hướng về một môi trường trong lành và phát triển trong tương lai. Bởi vì, mỗi cá nhân nếu đều có ý thức đóng góp những hành động dù nhỏ nhưng tích cực cũng sẽ góp phần tạo nên những thay đổi lớn tốt đẹp hơn cho môi trường.

Mục đích cuối cùng của giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường là tiến tới xã hội hóa các vấn đề môi trường, nghĩa là tạo ra các công dân có nhận thức, có trách nhiệm với môi trường, biết sống vì môi trường.

Một khi các vấn đề môi trường đã được xã hội hóa thì những lợi ích kinh tế cho cộng đồng ngày một gia tăng và đặc biệt hiệu lực quản lý nhà nước tăng nhưng gánh nặng chi phí sẽ giảm. Do đó, những kết quả nghiên cứu về môi trường và các phương pháp khắc phục ở nhiều quốc gia trên thế giới đã đi đến kết luận chung là: không có giải pháp nào kinh tế và hiệu quả bằng việc đầu tư vào con người thông qua công tác giáo dục môi trường.

Kết luận chương 1

Giáo dục pháp luật là một công tác có ý nghĩa đặc biệt quan trọng với quá trình xây dựng đất nước trong thời kì mới song song với công tác xây dựng và thực hiện pháp luật. Giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường là một bộ phận của công tác giáo dục pháp luật nên nó vừa mang những đặc điểm của giáo dục pháp luật nói chung vừa mang những đặc điểm riêng của mình. Giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường có ý nghĩa và vai trò hết sức quan trọng với sự nghiệp đổi mới của đất nước, vì vậy để làm tốt công tác giáo dục pháp luật về bảo vệ môi tường những người làm công tác giáo dục cần hiểu và nắm rõ những đặc điểm đó để công tác này đạt hiệu quả như mong muốn.

Luận Văn 24 - đơn vị cung cấp Dịch vụ viết thuê luận văn uy tín, giá cả phải chăng

Chương 2
THỰC TRẠNG GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

2.1.Thực trạng môi trường và hệ thống pháp luật, chính sách pháp luật về bảo vệ môi trường và giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường

2.1.1. Thực trạng môi trường ở Việt Nam hiện nay

Trong những năm đầu thực hiện đường lối đổi mới, vì tập trung ưu tiên phát triển kinh tế và cũng một phần do nhận thức hạn chế nên việc gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường chưa chú trọng đúng mức. Tình trạng tách rời công tác bảo vệ môi trường với sự phát triển kinh tế - xã hội diễn ra phổ biến ở nhiều ngành, nhiều cấp, dẫn đến tình trạng gây ô nhiễm môi trường diễn ra phổ biến và ngày càng nghiêm trọng. Đối tượng gây ô nhiễm môi trường chủ yếu là hoạt động sản xuất của nhà máy trong các khu công nghiệp, hoạt động làng nghề và sinh hoạt tại các đô thị lớn. Ô nhiễm môi trường bao gồm 3 loại chính là: ô nhiễm đất, ô nhiễm nước và ô nhiễm không khí và các loại ô nhiễm khác.

Môi trường đất đang có xu hướng bị ô nhiễm, suy thoái. Ở khu vực nông thôn, môi trường đất bị ô nhiễm do việc sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật thiếu bền vững trong sản xuất nông nghiệp. Hàng năm, ước tính tổng lượng phân bón vô cơ sử dụng trong canh tác nông nghiệp vào khoảng 2,5 -3,0 triệu tấn, trong đó có đến 50 - 70% không được cây trồng hấp thụ, thải ra môi trường. [5]

Ở các vùng quanh đô thị, khu công nghiệp và làng nghề, môi trường đất cũng bị ô nhiễm bởi chất thải từ các hoạt động sản xuất, sinh hoạt. Hiện nay, mới chỉ có 66% khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải; hầu hết nước thải sinh hoạt ở các đô thị đều không được xử lý mà xả thẳng ra môi trường.

Cũng theo Báo cáo Môi trường quốc gia 2009, môi trường đất ở một số nơi còn bị ô nhiễm do chất độc hóa học, chất độc màu da cam tồn lưu sau chiến tranh. Hiện còn có 335 điểm tồn lưu thuốc bảo vệ thực vật trên cả nước đã được xác định nhưng chưa được giải quyết. [5]

Chất lượng nước mặt lục địa đang bị suy giảm, có nơi đã bị ô nhiễm nặng. Các hồ ao, kênh mương tại các thành phố lớn đều bị ô nhiễm hữu cơ nghiêm trọng, vượt quá mức quy chuẩn cho phép, nhiều nơi đã biến thành nơi chứa nước thải (sông Tô Lịch, sông Lừ (Hà Nội), kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè, Tân Hóa - Lò Gốm (thành phố Hồ Chí Minh…).

Chất lượng môi trường không khí ở nước ta đang bị suy giảm, đặc biệt tại các thành phố lớn. Môi trường không khí ở các đô thị đều đã bị ô nhiễm bụi, có nơi bị ô nhiễm nặng, đặc biệt là ở các đô thị lớn như thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh.

Nước biển ven bờ có dấu hiệu bắt đầu bị ô nhiễm. Cụ thể dải ven biển miền Nam từ Nha Trang trở vào, đã có dấu hiệu bị ô nhiễm BOD_5. [8]

Ở các vùng biển từ tỉnh Quảng Ninh đến các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, hàm lượng chất dinh dưỡng ($N\text{-}NH_4$) đã vượt hoặc xấp xỉ quy chuẩn cho phép. [6]

Một số vùng biển ven bờ đã có dấu hiệu bị ô nhiễm dầu. Đối với nước biển ở ngoài khơi, hàm lượng ôxy hòa tan và hàm lượng dầu mặc dù thấp hơn vùng ven biển song cũng đều vượt tiêu chuẩn ASEAN cho vùng nước bảo tồn thủy sinh.

Thời gian qua diện tích rừng vẫn bị tác động bởi các vụ cháy rừng, phá rừng và chuyển đổi mục đích sử dụng. Trong giai đoạn 2004-2009 tổng số vụ cháy rừng trên cả nước là 3.659 vụ, gây thiệt hại 15.479 ha, diện tích rừng bị tàn phá là 26.985 ha, bị chuyển đổi sang các mục đích khác là 2.998 ha, số vụ khai thác gỗ trái phép bị bắt giữ là 21.804 vụ. Số liệu thống kê ở

17 địa phương cũng cho thấy, trong giai đoạn này đã xảy ra khoảng 1.200 vụ cháy rừng, 17.000 vụ vi phạm pháp luật về khai thác rừng với diện tích rừng bị thiệt hại lên đến 207.465 ha. [9]

Do nhiều nguyên nhân trực tiếp và gián tiếp, trong những năm gần đây, đa dạng sinh học của nước ta tiếp tục suy giảm về lượng và suy thoái về chất với tốc độ cao, diện tích các hệ sinh thái tự nhiên như rừng ngập mặn ven biển, đất ngập nước, núi đá vôi, bãi bồi, cửa sông ven biển bị thu hẹp, chất lượng bị xuống cấp.

Tính đến tháng 9 năm 2012, theo thống kê của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cả nước đã có 283 khu công nghiệp (bao gồm cả khu chế xuất) được thành lập với tổng diện tích đất tự nhiên khoảng 80.000 ha trên phạm vi 58 tỉnh, thành phố. Tuy nhiên, công tác quy hoạch phát triển các khu công nghiệp hiện tại không tuân theo một quy hoạch thống nhất, một số nơi thiếu cơ sở khoa học [5]. Trong giai đoạn phát triển hiện nay, sự phát triển của khu công nghiệp đã tạo sức ép không nhỏ đối với môi trường, đặc biệt gây ra ô nhiễm môi trường nước, môi trường không khí, ô nhiễm môi trường từ chất thải rắn.

Cùng với sự , nông thôn Việt Nam còn bộc lộ những hạn chế , yếu kém: phát triển thiếu quy hoạch , tự phát, có khoảng 23% xã có quy hoạch nhưng chất lượng quy hoạch chưa cao . Hầu hết nhà ở nông thôn và miền núi được xây không có quy hoạch , quy chuẩn [10].

chuyển biến tích cực

vân

Chính những hạn chế, yếu kém này kéo theo tình trạng ô nhiễm môi trường nông thôn đang ở mức báo động ở nhiều nơi , đã và đang gây ra những tác động mạnh mẽ và lâu dài đến sức khỏe cộng đồng nông thôn.

Khu vực dân tộc miền núi Việt Nam có đặc trưng cơ bản về thiên nhiên

là địa hình núi cao, suối sâu, địa hình cắt xẻ mạnh, nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa và môi trường tự nhiên bị phân hoá mạnh, là điều kiện

thuận lợi tạo ra nguồn tài nguyên giàu có và đa dạng, quan trọng nhất là tài nguyên rừng, khoáng sản, đất đai và tiềm năng du lịch. Có thể nói, vùng núi nước ta là mái nhà chung của đất nước nhưng cũng là nguồn phát sinh của nhiều vấn đề môi trường, đối với vùng đồng bằng và biển. Bên cạnh đó, thói quen, tập quán sinh sống của các tộc người thiểu số còn mang nặng tính chất dựa vào việc khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Quá trình khai thác lại thiếu sự quy hoạch cần thiết cũng như sự điều tiết quản lý của Nhà nước nên đã gây ra những hậu quả nặng nề đối với môi trường sinh thái. Điều đó cho thấy vấn đề môi trường khu vực miền núi là khá phức tạp và có ảnh hưởng lớn đến môi trường quốc gia.

Kết quả khảo sát 52 làng nghề điển hình trong cả nước cho thấy trong số đó, 46% làng nghề có môi trường bị ô nhiễm nặng (đối với không khí hoặc nước hoặc đất hoặc cả ba dạng), 27% ô nhiễm vừa và những đánh giá trong thời gian gần đây cho thấy mức độ ô nhiễm của các làng nghề không giảm mà còn có xu hướng gia tăng.

Theo Báo cáo môi trường quốc gia năm 2008 cho thấy, tại các làng sản xuất kim loại, tỉ lệ người mắc các bệnh liên quan đến thần kinh, hô hấp, ngoài da, điếc và ung thư chiếm tới 60% dân số.

Qua những thực trạng về môi trường đã nêu ở trên, chúng ta thấy rằng môi trường Việt Nam đang bị đe dọa một cách nghiêm trọng, ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe của mọi người trong xã hội. Hiện nay, ngày càng xuất hiện nhiều căn bệnh lạ mà giới khoa học đánh giá là rất hiếm xuất hiện từ xưa đến nay, các làng ung thư cũng xuất hiện ngày một nhiều, những vùng đất chết cứ ngày một tăng lên, mà gần đây nhất là đợt nắng nóng kỉ lục tại Hà Nội cùng đợt mưa lũ bất thường tại Quảng Ninh và các tỉnh phía Bắc gây hậu quả nghiêm trọng tới sản xuất và cuộc sống của nhân dân, gây thiệt hại ngàn tỷ đồng. Thiết nghĩ, nếu chúng ta nhận thức rõ tầm

quan trọng của môi trường và có những hành động thiết thực hơn để bảo vệ môi trường thì sẽ hạn chế được phần nào những tác động xấu của môi trường đối với cuộc sống của chúng ta.

Tình trạng ô nhiễm môi trường nêu trên có nhiều nguyên nhân chủ quan, khách quan khác nhau, song tập trung ở các nguyên nhân chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, những hạn chế, bất cập của cơ chế, chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường và việc tổ chức thực hiện của các cơ quan chức năng. Theo thống kê của Bộ Tư pháp, hiện nay có khoảng 300 văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường để điều chỉnh hành vi của các cá nhân, tổ chức, các hoạt động kinh tế, các quy trình kỹ thuật, quy trình sử dụng nguyên liệu trong sản xuất. Tuy nhiên, hệ thống các văn bản này vẫn còn chưa hoàn thiện, thiếu đồng bộ, thiếu chi tiết, tính ổn định không cao, tình trạng văn bản mới được ban hành chưa lâu đã phải sửa đổi, bổ sung là khá phổ biến, từ đó làm hạn chế hiệu quả điều chỉnh hành vi của các cá nhân, tổ chức, các hoạt động kinh tế... trong việc bảo vệ môi trường.

Thứ hai, quyền hạn pháp lí của các tổ chức bảo vệ môi trường, nhất là của lực lượng Cảnh sát môi trường chưa thực sự đủ mạnh, nên đã hạn chế hiệu quả hoạt động nắm tình hình, phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Các cở sở pháp lí, chế tài xử phạt đối với các loại hành vi gây ô nhiễm môi trường và các loại tội phạm về môi trường vừa thiếu, vừa chưa đủ mạnh, dẫn đến hạn chế tác dụng giáo dục, phòng ngừa, răn đe đối với những hành vi xâm hại môi trường. Rất ít trường hợp gây ô nhiễm môi trường bị xử lí hình sự; còn các biện pháp xử lí khác như buộc phải di dời ra khỏi khu vực gây ô nhiễm, đóng cửa và đình chỉnh hoạt động của các cơ sở gây ô nhiễm môi trường cũng không được áp dụng nhiều, hoặc có áp dụng nhưng các cơ quan chức năng thiếu kiên quyết, doanh nghiệp trây ỳ nên cũng không có hiệu quả.

Thứ ba, các cấp chính quyền chưa nhận thức đầy đủ và quan tâm đúng mức đối với công tác bảo vệ môi trường, dẫn đến buông lỏng quản lí, thiếu trách nhiệm trong việc kiểm tra, giám sát về môi trường. Công tác thanh tra, kiểm tra về môi trường của các cơ quan chức năng đối với các cơ sở sản xuất dường như vẫn mang tính hình thức, hiện tượng "phạt để tồn tại" còn phổ biến. Công tác thẩm định và đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư còn tồn tại nhiều bất cập và chưa được coi trọng đúng mức, thậm chí chỉ được tiến hành một cách hình thức, qua loa đại khái cho đủ thủ tục, dẫn đến chất lượng thẩm định và phê duyệt không cao.

Thứ tư, công tác tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ môi trường trong xã hội còn hạn chế, dẫn đến chưa phát huy được ý thức tự giác, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, cộng đồng trong việc tham gia gìn giữ và bảo vệ môi trường.

Thứ năm, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác bảo vệ môi trường còn hạn chế; phương tiện kỹ thuật phục vụ công tác kiểm tra chưa đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn. Do đó, trong nhiều trường hợp, đoàn kiểm tra không thể phát hiện được những thủ đoạn tinh vi của doanh nghiệp thải các chất gây ô nhiễm ra môi trường.

2.1.2. Hệ thống pháp luật, chính sách bảo vệ môi trường và giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường ở Việt Nam hiện nay

2.1.2.1. Chủ trương, chính sách của Đảng về bảo vệ môi trường

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định: "*Tạo chuyển biến mạnh mẽ trong việc xây dựng văn hóa, đạo đức và lối sống; kiềm chế tốc độ tăng dân số, nâng cao thể chất và sức khỏe nhân dân; bảo vệ và cải thiện môi trường*" ; " *Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa lớn đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái*"; " *Chú trọng phát triển công nghiệp năng lượng đi đôi với áp dụng*

công nghệ tiết kiệm nguyên, vật liệu; công nghiệp dược và các chế phẩm sinh học; công nghiệp bảo vệ môi trường... Coi trọng việc thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động kinh tế, xã hội... Áp dụng các biện pháp mạnh mẽ để ngăn chặn các hành vi huỷ hoại hoặc gây ô nhiễm môi trường... xây dựng và thực hiện nghiêm các quy đinh về phục hồi môi trường các khu khai thác khoáng sản... Hoàn chỉnh pháp luật, tăng cường quản lý nhà nước đi đôi với nâng cao ý thức trách nhiệm của mọi người dân, của toàn xã hội đối với việc phòng ngừa ô nhiễm, bảo vệ và cải thiện môi trường. Thực hiện nguyên tắc người gây ô nhiễm phải xử lý ô nhiễm hoặc phải chi trả cho việc xử lý ô nhiễm... Mở rộng hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường và quản lý khai thác tài nguyên thiên nhiên..."

Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đã chỉ rõ: *"Bảo vệ môi trường là một trong những vấn đề sống còn của nhân loại; là nhân tố đảm bảo sức khỏe và chất lượng cuộc sống của nhân dân; góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị, an ninh quốc phòng và thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta".*

Bảo vệ môi trường vừa là mục tiêu, vừa là một trong những nội dung cơ bản của phát triển bền vững, phải được thể hiện trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội của từng ngành và từng địa phương. Khắc phục tư tưởng chỉ chú trọng phát triển kinh tế - xã hội mà coi nhẹ bảo vệ môi trường. Đầu tư cho bảo vệ môi trường là đầu tư cho phát triển bền vững và xây dựng nước ta trở thành một nước có môi trường tốt, có sự hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường; mọi người đều có ý thức bảo vệ môi trường, sống thân thiện với thiên nhiên.

Quyết định số 256/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 02/12/2003 phê duyệt Chiến lược quốc gia về bảo vệ môi trường đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020; Quyết định số 34/2005/QĐ-TTg ngày 22/02/2005 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực vệ hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15 tháng 11 năm 2004 của Bộ Chính trị về bảo môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước khẳng định quan điểm: "Chiến lược bảo vệ môi trường là bộ phận cấu thành không thể tách rời của Chiến lược phát triển kinh tế, xã hội, là cơ sở quan trọng bảo đảm phát triển bền vững đất nước. Phát triển kinh tế phải kết hợp chặt chẽ, hài hòa với phát triển xã hội và bảo vệ môi trường, là đầu tư cho phát triển bền vững".

2.1.2.2. Các văn bản, quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường và giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường

Ở Việt Nam hiện nay, hệ thống văn bản pháp luật về môi trường, bảo vệ môi trường và giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường tương đối đa dạng, trong số đó trước hết phải kể đến: Hiến pháp 2013 với những quy định mang tính nguyên tắc về bảo vệ môi trường.

Điều 29 của Hiến pháp nước ta quy định:

"*Nhà nước có chính sách bảo vệ môi trường; quản lý, sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên; bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; mọi hoạt động bảo vệ môi trường, phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo.*

Tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Nhà nước khuyến khích môi trường, làm suy kiệt tài nguyên thiên nhiên và suy giảm đa dạng sinh học phải bị xử lý nghiêm và có trách nhiệm khắc phục, bồi thường thiệt hại".

Như vậy, Hiến pháp đã quy định nghĩa vụ "bảo vệ môi trường" là một nghĩa vụ pháp lý của mọi tổ chức, cá nhân trong xã hội.

Việc bảo vệ môi trường được quy định bởi Luật Bảo vệ môi trường (Luật Bảo vệ môi trường năm 1993; Luật Bảo vệ môi trường năm 2005; Luật Bảo vệ môi trường 2014) và các văn bản có liên quan.

Trong hệ thống các Luật, Pháp lệnh về bảo vệ môi trường, Luật Bảo vệ môi trường có thể coi là đạo luật có vị trí trung tâm (luật chung) trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Luật bảo vệ môi trường sửa đổi (Luật Bảo vệ môi trường 2014) ngày 23 tháng 6 năm 2014 đã được thông qua tại kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XIII, gồm 20 chương và 170 điều. Luật Bảo vệ môi trường 2014 kế thừa những nội dung và cấu trúc cơ bản của Luật bảo vệ môi trường 2005; khắc phục những hạn chế của những điều khoản còn thiếu tính thực thi; luật hóa những chủ trương, chính sách mới về bảo vệ môi trường; mở rộng và cụ thể hóa một số nội dung về bảo vệ môi trường; xử lý những trùng lặp và mâu thuẫn với các luật khác để bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống pháp luật; tạo tiền đề pháp lý để xây dựng các nghị định về bảo vệ môi trường và xây dựng các luật về bảo vệ các thành phần môi trường trong tương lai. Về nội dung giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường, cả hai Luật này mới chỉ dừng lại ở việc nêu ra chủ trương, chính sách mà chưa có một điều khoản hay một chương cụ thể quy định về vấn đề này. Đây cũng là một nguyên nhân dẫn đến công tác giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường hiện nay còn mang nặng tính hình thức. Cụ thể, tại khoản 2 Điều 5, Luật Bảo vệ môi trường 2014 có quy định: "Tuyên truyền, giáo dục kết hợp với biện pháp hành chính, kinh tế và biện pháp khác để xây dựng kỷ cương và văn hóa bảo vệ môi trường" hay tại khoản 1, Điều 6, Luật Bảo vệ môi trường 2014: "Truyền thông, giáo dục và

vận động mọi người tham gia bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh môi trường, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên và đa dạng sinh học"

Bên cạnh Luật Bảo vệ môi trường, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường còn có các luật, pháp lệnh về bảo vệ các thành tố môi trường (còn gọi là các luật, pháp lệnh về tài nguyên). Cụ thể, đó là Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 2004; Luật Đất đai năm 2013; Luật Thủy sản năm 2003; Luật Dầu khí năm 1993 (được sửa đổi, bổ sung năm 2000 và năm 2008); Luật Tài nguyên nước năm 2012; Luật Khoáng sản năm 2010 v.v.

Tuy nhiên, có thể nói, dù là nhiều văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường nhưng những văn bản pháp luật về giáo dục về bảo vệ môi trường lại khá khiêm tốn. Hiện không có luật về giáo dục pháp luật bề bảo vệ môi trường mà những quy định về giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường chỉ có thể được quy định lồng ghép trong Luật giáo dục, phổ biến pháp luật…, Luật bảo vệ môi trường

Với việc ban hành nhiều văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường trong thời gian qua, có thể thấy rằng sự quan tâm của Đảng và Nhà nước tới vấn đề này ngày càng nâng cao. Tuy nhiên, sau khi được ban hành và đi vào thực hiện một số quy định trong pháp luật về bảo vệ môi trường còn chưa phù hợp, chưa sát thực tế, thiếu cụ thể dẫn đến chậm đi vào cuộc sống, không theo kịp yêu cầu phát triển của thực tiễn và hội nhập quốc tế; còn những chồng chéo và khoảng trống trong các quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, đã nảy sinh sự trùng lặp, mâu thuẫn, thiếu tính đồng bộ trong các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường với pháp luật khác có liên quan đến bảo vệ môi trường. Những nguyên nhân nêu trên đã làm giảm hiệu lực và hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường đồng thời gây khó khăn cho công tác giáo dục pháp luật về bảo môi trường.

2.2.Thực trạng nội dung, hình thức, phương thức giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường

2.2.1. Thực trạng nội dung giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường

Nội dung giáo dục pháp luật là yếu tố quan trọng của quá trình giáo dục pháp luật. Xác định đúng nội dung giáo dục pháp luật là việc cần thiết để giáo dục pháp luật có hiệu quả thiết thực. Nội dung giáo dục pháp luật được xác định phù hợp với mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ của phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường.

Giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường mang những nét đặc thù riêng, vì vậy nội dung giáo dục pháp luật phải được chọn lựa sao cho phù hợp với yêu cầu của giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường.

Về phạm vi nội dung giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường

Hiện nay, công tác giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường đã bắt đầu nhận được những sự quan tâm từ các cấp chính quyền vì vậy mà các báo cáo viên, tuyên truyền viên giáo dục pháp luật cũng đã chú ý đến nội dung của giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường để công tác này thực sự đem lại hiệu quả.

Phạm vi nội dung giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường chủ yếu tập trung vào những nội dung liên quan đến tầm quan trọng của:

Các thông tin về pháp luật môi trường, các nội dung được đưa vào chương trình giáo dục chủ yếu là tầm quan trọng của môi trường đối với cuộc sống con người và chúng được pháp luật quy định ra sao. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân mà người dân vẫn thờ ơ với các thông tin này, vì họ cho rằng những quy định này không ảnh hưởng đến cuộc sống của họ, rằng việc bảo vệ môi trường là trách nhiệm của Nhà nước.

Các thông tin về việc thực hiện pháp luật môi trường, về tình hình vi phạm pháp luật môi trường, cũng như về việc điều tra, xử lý các vi phạm đó. Nội dung này dường như nhận được nhiều sự quan tâm hơn từ phía người

dân, vì vậy, những tuyên truyền viên báo cáo viên luôn chọn những vụ án môi trường nổi cộm trong xã hội cũng như tại địa phương để tuyên truyền đến người dân những kiến thức về môi trường và nhận được những phản hồi tích cực từ phía nhân dân. Tuy nhiên, hiện nay còn ít vụ án về môi trường được đưa ra xét xử, và cũng theo ý kiến của đại đa số người dân rằng mức xử lý vi phạm chưa đủ sức răn đe và thuyết phục.

Mặc dù, các thông tin về kết quả nghiên cứu, điều tra về việc thực hiện pháp luật môi trường, áp dụng pháp luật môi trường; về vị trí của từng văn bản pháp luật môi trường với đời sống kinh tế - xã hội đặc biệt là những văn bản pháp luật môi trường có ảnh hưởng lớn tới đời sống của nhân dân, tuy nhiên trên thực tế, nội dung này chưa thực sự được chú trọng nó được lồng ghép vào với những nội dung khác, vì vậy, thường là những người có quan tâm về vấn đề nào thì sẽ tự tìm hiểu vấn đề đó.

Các thông tin hướng dẫn hành vi pháp luật cụ thể của công dân đó là quyền, nghĩa vụ và các quy trình pháp lý để công dân bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vấn đề này được xem là một vấn đề quan trọng trong nội dung giáo dục pháp luật nói chung và giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường nói riêng vì vậy, đây là một nội dung khá được chú trọng trong công tác giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường.

Về nội dung giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường cho từng đối tượng

Như đã nêu ở Chương 1, đối tượng của giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường được chia thành các nhóm và với mỗi nhóm lại có những nội dung giáo dục khác nhau để phù hợp với đặc điểm của mình.

Đối với những người là chủ các cơ sở sản xuất kinh doanh, chủ các doanh nghiệp, hiện nay, nội dung dành cho đối tượng này chủ yếu là tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường đối với xã hội, một số văn bản pháp luật liên quan đến ngành nghề sản xuất, kinh doanh của họ, giúp họ nhận thức và có ý

thức với việc bảo vệ môi trường. Song song với đó là các trình tự, thủ tục pháp lý để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp cũng như thực hiện các nghĩa vụ cơ bản của mình. Tuy nhiên, trên thực tế, việc giáo dục pháp luật cho nhóm đối tượng này còn gặp khá nhiều khó khăn cho các địa phương khi một địa phương có rất nhiều doanh nghiệp từ lớn tới nhỏ, sản xuất kinh doanh nhiều mặt hàng khác nhau trong khi lực lượng các tuyên truyền viên, báo cáo viên còn ít, hạn chế về năng lực.

Đối với những hộ dân ở những làng nghề truyền thống, đối tượng này dường như ít nhận được sự quan tâm hơn so với những chủ doanh nghiệp lớn. Nội dung giáo dục pháp luật cho nhóm đối tượng này chủ yếu là tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường mà chưa chú trọng tới những trách nhiệm pháp lý mà họ phải chịu nếu gây ô nhiễm môi trường.

Đối với những người làm công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Vì đặc thù của nhóm đối tượng này vừa là đối tượng vừa là chủ thể của giáo dục pháp luật nên nội dung giáo dục pháp luật cho họ là những kiến thức pháp luật chuyên sâu về công tác bảo vệ môi trường, những trình tự thủ tục, thẩm quyền để họ tiến hành công tác xử lý vi phạm nếu có vi phạm xảy ra.

Đối với học sinh, sinh viên các trường phổ thông, Cao đẳng và Đại học công tác giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường đang dần được đề cao. Vì có số lượng đông nên nếu người học có ý thức pháp luật về bảo vệ môi trường cao thì tỷ trọng số người có ý thức pháp luật bảo vệ môi trường trong xã hội cũng cao. Người học có ý thức pháp luật bảo vệ môi trường tốt sẽ lan toả, ảnh hưởng đến những người xung quanh (ngay cả trẻ em mẫu giáo cũng có thể biết nhắc bố mẹ không vứt rác bừa bãi nếu được giáo dục về quy tắc bảo vệ môi trường). Các nội dung giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường trong chương trình gồm quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc bảo vệ môi trường, quyền hạn, trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm thực hiện

các quyền, nghĩa vụ của công dân đó. Trên cơ sở đó giúp học sinh có được nhận thức đúng về vai trò, vị trí của pháp luật bảo vệ môi trường trong đời sống, từ đó chủ động, tự giác điều chỉnh hành vi của cá nhân và đánh giá được hành vi của người khác theo các quy đin h của pháp luật.

Qua việc nghiên cứu nội dung giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường và việc thực hiện chương trình đó trong thực tế, cho thấy có những ưu điểm và hạn chế như sau:

Ưu điểm:

- Chương trình bảo đảm trang bị cho các nhóm đối tượng những kiến thức cơ bản, hệ thống và thiết thực về pháp luật môi trường; tạo cơ sở cho người học hiểu được vai trò của nhà nước và pháp luật trong việc bảo vệ môi trường, hệ thống pháp luật của nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trên cơ sở kiến thức được trang bị, người học nâng cao ý thức pháp luật, tự giác rèn luyện, pháp luật của Nhà nước.

- Trong công tác giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường nhìn chung tính cập nhật đã được coi trọng; tập trung phổ biến những văn bản quy phạm pháp luật về vai trò của môi trường, trách nhiệm của công dân trong việc bảo vệ môi trường cũng như các biện pháp xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Các tài liệu giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường do cơ quan pháp luật biên soạn có nội dung vừa đảm bảo được tính lý luận ở chừng mực cần thiết, vừa đảm bảo được tính thực tiễn, hướng dẫn cho đối tượng học tập vận dụng những điều đã học về pháp luật vào thực tiễn cuộc sống của mình.

Hạn chế:

Đối với riêng pháp luật về bảo vệ môi trường, các địa phương cũng đã có quan tâm nhưng còn ở mức độ rất hạn chế. Nó mới chỉ dừng lại ở việc nêu ra tầm quan trọng của môi trường với cuộc sống mà chưa chú trọng tới việc giáo dục những quy định của pháp luật hiện hành về vấn đề này.

- Chương trình giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường chưa được xây dựng thành một hệ thống từ thấp lên cao, có sự phân cấp chương trình giữa các cấp học và sự liên thông giữa các loại chương trình.

- Chương trình giáo dục pháp luật chưa cung cấp cho người được giáo dục những kiến thức tối thiểu phục vụ cho việc quản lý môi trường bằng pháp luật, tiến hành các hoạt động ban đầu khi có vi phạm pháp luật hoặc tội phạm xảy ra trong lĩnh vực môi trường.

- Tính hệ thống trong cơ cấu nội dung giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường chưa cao. Vì điều kiện thời gian và khâu tổ chức biên soạn nên nhìn chung nội dung giáo dục pháp luật bảo vệ môi trường trong thời gian qua chưa mang tính hệ thống ở mức cần thiết. Do đó kiến thức pháp luật về bảo vệ môi trường còn chắp vá. Đây là vấn đề chúng ta phải nghiêm túc nghiên cứu để xây dựng chương trình giáo dục pháp luật trong thời gian tới đảm bảo tính thống nhất, cân đối, cập nhật.

- Tính toàn diện trong nội dung giáo dục pháp luật cũng chưa được đảm bảo tốt. Phần nội dung pháp luật có liên quan đến quản lý nhà nước về môi trường còn hạn chế. Điển hình là việc triển khai Luật Bảo vệ môi trường ở Việt Nam. Dù đã ban hành từ năm 1994, đến nay đã trải qua 20 năm thi hành và có bổ sung, sửa đổi, cùng nhiều văn bản hướng dẫn, triển khai, nhưng so với các nước phát triển, lĩnh vực bảo vệ môi trường ở Việt Nam còn khá mới và chỉ được quan tâm đặc biệt trong khoảng 5 năm trở lại đây do yêu cầu quản lý môi trường trong điều kiện phát triển kinh tế – xã hội. Bởi vậy, pháp luật về bảo vệ môi trường chưa điều chỉnh hết các mối quan hệ trong xã hội, một số văn bản còn chưa được ban hành hoặc đã ban hành nhưng không sát với thực tế. Cụ thể như, việc xử lý hình sự đối với tội phạm môi trường gặp nhiều khó khăn do Luật hình sự quy định chỉ xử lý hình sự đối với cá nhân, nhưng thực tế ở Việt Nam thì việc gây ô nhiễm môi trường lại chủ yếu do các tổ chức.

- Do đội ngũ tuyên truyền viên và báo cáo viên còn hạn chế về kiến thức pháp luật cũng như khả năng sư phạm mà nội dung giáo dục pháp luật môi trường còn nghèo nàn, hạn chế. Hoạt động giáo dục pháp luật chủ yếu tập trung vào việc phổ biến các quy định pháp luật nhiều hơn là giáo dục; chỉ chuyển đến đối tượng nội dung máy móc chứ không phải là tinh thần của pháp luật cho nên đối tượng khó tiếp thu, khó khăn trong nhận thức. Trong giáo dục pháp luật coi trọng trang bị cho đối tượng hiểu biết pháp luật mà xem nhẹ giáo dục tình cảm, lòng tin pháp luật và ý thức chấp hành pháp luật.
- Nội dung giáo dục pháp luật còn dàn trải, nặng về phổ biến các quy định của pháp luật, chưa chú trọng đến việc hướng học sinh rèn luyện kỹ năng ứng xử, kỹ năng vận dụng pháp luật vào để giải quyết các vấn đề của thực tiễn cuộc sống.
- Mặc dù nội dung và thời gian theo quy định chưa phải là nhiều nhưng một số nơi còn cắt xén, làm lấy lệ nên kết quả đạt được chưa cao. Một số đơn vị còn lúng túng trong việc xác định nội dung giáo dục pháp luật theo "phần mềm".

Hậu quả:

Chính vì những hạn chế trên làm cho tình hình vi phạm pháp luật môi trường đang tỉ lệ thuận với mức độ phát triển kinh tế, ngày càng tăng dần lên với một tốc độ chóng mặt và để lại những hậu quả khôn lường tới sức khoẻ, tính mạng, tài sản của nhân dân. Các công cụ pháp lý của Nhà nước dường như không đạt được hiệu quả như mong đợi. Một số luật về môi trường dường như tỏ ra quá "hiền" không đủ sức răn đe với các hành vi vi phạm, còn một số thì lại quá hình thức, chỉ tồn tại trên giấy chứ không thể áp dụng vào thực tiễn. Các vi phạm pháp luật môi trường ngày càng để lại vô vàn hậu quả đặc biệt nghiêm trọng cho xã hội nhưng trách nhiệm hình sự áp dụng cho các hành vi đó lại quá ít.

Nổi cộm lên trong các hành vi vi phạm pháp luật môi trường về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi; về hậu quả nghiêm trọng do hành vi đó để lại; về thái độ cố ý bất chấp pháp luật, xem thường tính mạng sức khỏe tài sản của nhân dân là vi phạm về môi trường của 2 công ty Vedan và Hyundai Vinashin. Công ty Hyundai Vinashin đã có rất nhiều hành vi xâm phạm môi trường rất nghiêm trọng, kéo dài đã 10 năm nay gây thiệt hại và đe dọa gây thiệt hại rất lớn cho đời sống nhân dân. Hầu hết các hành vi đó đã thỏa mãn về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi xâm hại tới những quan hệ được cấu thành trong các quy định của BLHS1999 nhưng trách nhiệm pháp lý của công ty này chỉ ở mức độ bị cảnh cáo xử phạt hành chính. Hậu quả nghiêm trọng do các hành vi đó để lại ngày càng tăng nhưng trách nhiệm pháp lý vẫn dừng chân một chỗ. Công ty Vedan thì cố ý xả lượng chất thải chưa qua xử lý vào hệ thống sông Thị Vải làm ô nhiễm nghiêm trọng nguồn nước, gây ảnh hưởng lớn đến đời sống nhân dân khu vực ven sông. Thiệt hại và nguy cơ đe dọa gây thiệt hại cho tài sản, tính mạng, sức khỏe của nhân dân lớn gấp chục lần so với vụ Hyundai Vinashin nhưng trách nhiệm pháp lý thì quá nhẹ nhàng, gây tâm lý "khó hiểu" trong dư luận quần chúng.

Trước thực trạng vi phạm các quy định pháp luật về môi trường ngày càng nghiêm trọng và gia tăng trong thời gian qua, chính quyền cần phải có những biện pháp xử lý nghiêm minh những vi phạm đó. Song việc áp dụng các quy định của pháp luật không phải dễ dàng, suôn sẻ. Thời gian qua, dư luận đang hết sức xôn xao và bất bình trước tình trạng vi phạm pháp luật môi trường hàng loạt của các tổ chức, cá nhân. Điển hình là các vụ vi phạm của công ty Vedan (Đồng Nai), Miwon (Phú Thọ), Huyndai Vinashin…Trước những sai phạm nghiêm trọng của các tổ chức, cá nhân nói trên, dư luận cả nước nói chung cũng như nhân dân sống gần khu vực ô nhiễm đang rất trông đợi một kết quả xử lý thật nghiêm minh đối với các tổ chức cá nhân vi phạm

đó. Thiết nghĩ, một kết quả xử lý thật nghiêm minh đối với các tổ chức cá nhân vi phạm là điều rất cần thiết. Điều này trước hết đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật và bảo vệ, khắc phục môi trường sống của các hộ dân sống gần khu vực ô nhiễm, đồng thời cũng đặt ra vấn đề nâng cao trách nhiệm quản lý của Nhà nước. Vụ công ty TNHH Vedan vi phạm pháp luật môi trường trong suốt một thời gian dài mới bị phát hiện, thậm chí công ty này còn được khen thưởng trong công tác bảo vệ môi trường tại địa phương đã cho thấy các cơ quan chức năng có thẩm quyền tại địa phương đã thờ ơ, thiếu trách nhiệm trong công tác quản lý, năng lực yếu kém.

2.2.2. Thực trạng hình thức, phương pháp giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường

Việc xác định đúng, đủ nội dung giáo dục pháp luật cho từng đối tượng là yếu tố có ý nghĩa quyết định cho việc đạt tới mục tiêu của giáo dục pháp luật bảo vệ môi trường. Tuy nhiên nội dung giáo dục pháp luật không thể tự thân đi vào nhận thức, tình cảm của người được giáo dục mà phải qua những hình thức truyền tải thông tin, các cách thức và biện pháp tác động phù hợp với khả năng tiếp thu của đối tượng. Do đó, hiệu quả giáo dục pháp luật phụ thuộc vào không chỉ nội dung mà còn phụ thuộc vào các yếu tố tiếp theo của quá trình phổ biến, giáo dục pháp luật là hình thức, phương thức tiến hành.

2.2.2.1. Thực trạng hình thức giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường

Giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường những năm vừa qua được tiến hành theo các hình thức chủ yếu sau đây:

Giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường thông qua hoạt động giáo dục pháp luật trong nhà trường: Đưa giáo dục pháp luật vào nhà trường là việc sử dụng các thiết chế bộ máy, các cơ sở vất chất của nhà trường, thông qua chức năng giáo dục của nhà trường, thực hiện mục đích của giáo dục pháp luật. Là việc bằng các quy tắc, luật lệ, các hình thức và phương pháp

giáo dục trong nhà trường để đưa các nội dung kiến thức, các chuẩn mực pháp luật đến với học sinh, sinh viên các cấp học, bậc học.

Việc giáo dục pháp luật trong nhà trường hiện nay chủ yếu chỉ thông qua môn Đạo đức ở cấp Tiểu học và Giáo dục công dân ở bậc phổ thông. Ở Tiểu học, nội dung pháp luật được lồng ghép vào môn Đạo đức, được dạy ở cả 5 khối lớp (từ lớp 1 - đến lớp 5) với thời lượng 35 tiết/khối lớp. Nội dung giáo dục pháp luật ở tiểu học là giáo dục những kiến thức pháp luật phổ thông, cơ bản, phù hợp với lứa tuổi và nhu cầu của các em, góp phần hình thành và phát triển ở các em những tình cảm, niềm tin, hành vi và thói quen phù hợp với những giá trị đạo đức, giá trị pháp luật được học. Trong những nội dung đó có nội dung về giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường bằng những bài học đơn giản nhất như không vứt rác bừa bãi, luôn giữ vệ sinh trường lớp.

Ở Trung học cơ sở, môn Giáo dục công dân được dạy ở cả 4 khối lớp (từ lớp 6 - đến lớp 9) với thời lượng 35 tiết/khối lớp, với hai mạch nội dung : công dân với đạo đức và công dân với pháp luật. Ở cấp học này, nội dung giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường thường được tách thành một buổi sinh hoạt ngoại khóa chứ không đưa vào hoạt động dạy chính khóa.

Ở Trung học phổ thông, môn Giáo dục công dân được dạy ở cả 3 khối lớp (từ lớp 10 - đến lớp 12) với thời lượng 35 tiết/khối lớp, trong đó kiến thức pháp luật tập trung ở lớp 12. Cũng giống như ở bậc Trung học cơ sở, nội dung giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường cũng được lồng ghép vào các buổi sinh hoạt ngoại khóa.

Đối với trình độ đào tạo trung cấp chuyên nghiệp môn học pháp luật được đưa vào giảng dạy chính thức ở tất cả các chương trình đào tạo. Chương trình được sử dụng thống nhất trong đào tạo trung cấp chuyên nghiệp cho các hình thức giáo dục chính quy và vừa làm vừa học, với thời lượng 30 tiết/2 đơn vị học trình, 2-4 tiết/tuần tùy theo sự bố trí của từng trường.

Hiện nay, nhiều nhà trường đã quan tâm tới việc giáo dục ý thức pháp luật về bảo vệ môi trường cho học sinh, sinh viên thông qua các hoạt động ngoại khóa hay việc phát động những phong trào bảo vệ môi trường trường học, lớp học cũng dần mang lại những kết quả tích cực. Tuy vậy, với nhiều trường việc giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường chỉ mang tính hình thức, chỉ dừng lại ở việc phát động phong trào mà không quan tâm đến kết quả thu được. Có một thực tế đáng buồn là những học sinh ở các trường mầm non và tiểu học có ý thức giữ gìn môi trường tốt hơn so với các cấp học cao hơn.

Tuyên truyền miệng: hình thức này ít tốn kém nhưng lại dễ thực hiện nên trên thực tế nhiều địa phương vẫn lựa chọn hình thức này mặc dù ngày nay các phương tiện thông tin đại chúng phát triển rất nhanh và mạnh mẽ. Vì hình thức này giúp cho các tuyên truyền viên linh hoạt hơn, có thể giải thích phân tích nội dung cần tuyên truyền. Tuy nhiên, hình thức này cũng có những hạn chế nhất định, đó là đối với những vùng nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, việc bất đồng ngôn ngữ làm cho hình thức này trở nên khó thực hiện. Hơn nữa, đây là hình thức đòi hỏi sự người nghe cần có sự theo dõi và tập trung, nên có thể nhiều người không theo dõi ngay từ đầu sẽ không hiểu được nội dung mà tuyên truyền viên, báo cáo viên truyền tải.

Giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường thông qua các phương tiện thông tin đại chúng: Các phương tiện thông tin đại chúng với những ưu thế đặc biệt đã thực sự là một công cụ tuyên truyền giáo dục pháp luật có hiệu quả xã hội cao. Các phương tiện thông tin đại chúng làm cho mỗi người dân trong đời sống sinh hoạt thường ngày của mình được tiếp cận với các phương tiện thông tin đại chúng một cách trực tiếp, cập nhật, phong phú, đa dạng, sinh động, dễ dàng. Việc làm này có tác động mạnh tới nhận thức tư tưởng, tình cảm của mỗi người, khiến họ phải tự điều chỉnh hành vi của mình theo quy định của pháp luật. Gần đây, các đài truyền hình đã quan

tâm hơn đến vấn đề này, cụ thể là Đài truyền hình Việt Nam đã cho ra mắt chương trình "Vì một tương lai xanh" phát sóng mỗi buổi sáng trên kênh VTV3. Dù thời lượng phát sóng của chương trình chỉ trong vòng từ 5 đến 10 phút nhưng nó đã phần nào tác động đến ý thức của người dân trong việc bảo vệ môi trường khi đưa ra những tấm gương tích cực trong việc bảo vệ môi trường hay những việc làm góp phần giảm ô nhiễm môi trường.

Giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường thông qua tủ sách pháp luật: Đây là một hình thức nhận được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước và sựu đồng tình ủng hộ của người dân. Thông qua việc tìm hiểu, nghiên cứu, đọc các tài liệu trong tủ sách pháp luật, người đọc có thể tự tìm hiểu, nghiên cứu những vấn đề mà mình quan tâm. Tuy nhiên, hiện nay, tủ sách pháp luật ở các địa phương nói chung còn thiếu những văn bản mang tính chuyên ngành trong đó có các văn bản pháp luật liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường. Hơn nữa, người dân vẫn ít sử dụng hình thức này do cơ chế quản lý, thái độ phục vụ còn kém chưa đáp ứng được yêu cầu của đối tượng.

Giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường thông qua tổ chức cuộc thi tìm hiểu pháp luật: Hình thức này là hình thức sinh hoạt văn hóa pháp lý có sức hấp dẫn và hiệu quả, chính vì vậy nó được sử dụng nhiều trong thực tế cho nhiều lĩnh vực pháp luật trong đó có bảo vệ môi trường. Qua cuộc thi, những nội dung pháp luật được truyền tải đến các đối tượng một cách ngắn gọn, đơn giản, dễ hiểu, dễ nhớ. Trong cuộc thi có thể lồng ghép các tiết mục văn nghệ liên quan đến lĩnh vực giáo dục pháp luật vừa giúp người dân giải trí vừa giúp họ nâng cao kiến thức pháp luật. Tuy nhiên, với hình thức này cần được đầu tư cả về vật chất lẫn con người thì mới thực sự đem lại hiệu quả như mong muốn.

2.2.2.2. Thực trạng phương pháp giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường

Những người làm công tác giáo dục pháp luật với những hiểu biết và kinh nghiệm của mình sẽ sử dụng những phương pháp thích hợp để công tác

giáo dục pháp luật đạt hiệu quả. Đối với công tác giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường, các tuyên truyền viên, báo cáo viên chủ yếu sử dụng các phương pháp sau:

Phương pháp sư phạm: phương pháp sư phạm tương tác là một cách tiếp cận cơ bản, năng động, mang tính hệ thống và khoa học dựa trên sự tương tác giữa 3 yếu tố cơ bản là người dạy, người học và môi trường liên quan đến việc dạy và học. Trong đó yếu tố người học luôn được đề cao nhằm tạo ra sự tích cực chủ động và hiệu quả trong quá trình tiếp thu kiến thức qua đó giúp người dạy và người học thu được hiệu quả cao nhất trong quá trình dạy và học. Phương pháp này thường được tổ chức thành các đợt học tập cho các từng nhóm đối tượng để phù hợp với nội dung của từng nhóm đối tượng. Với phương pháp này, các nhóm đối tượng sẽ được tiếp cận thông tin pháp luật môi trường một cách có hệ thống. Tuy nhiên, phương pháp này cũng có một số hạn chế như mỗi nhóm đối tượng khác nhau có những yêu cầu về nội dung khác nhau, do vậy các tuyên truyền viên, báo cáo viên cần biên tập nhưng nội dung sao cho phù hợp với từng nhóm đối tượng, đòi hỏi những người làm công tác giáo dục pháp luật cần đầu tư thời gian và năng lực mới có kết quả tốt.

Phương pháp thực hành, giải quyết các tình huống cụ thể, trực quan là phương pháp đưa ra các tình huống pháp luật về môi trường cụ thể để cho các nhóm đối tượng được giáo dục đưa ra cách giải quyết. So với phương pháp sư phạm thì phương pháp này hiệu quả hơn, để giải quyết được các tình huống được đưa ra đòi hỏi các đối tượng được giáo dục cần tìm hiểu các quy định pháp luật liên quan đến vấn đề này, nó giúp cho đối tượng dễ tiếp thu và sẽ linh hoạt hơn nếu gặp tình huống cụ thể trong cuộc sống.

Giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường trong các trường phổ thông hiện nay sử dụng kết hợp 2 phương pháp trên. Tuy nhiên, trên thực tế, các trường chủ yếu chọn phương pháp thực hành, giải quyết các tình huống cụ

thể, trực quan thông qua hoạt động giáo dục ngoại khóa và giáo dục ngoài giờ lên lớp. Bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với tâm lý, lứa tuổi và nhận thức của người học như : lồng ghép các nội dung pháp luật về bảo vệ môi trường vào các hoạt động như sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp, sinh hoạt đoàn, hội, đội theo chủ đề pháp luật, tuần sinh hoạt công dân học sinh; xây dựng và tổ chức các câu lạc bộ tuổi trẻ với pháp luật, nghe nói chuyên về tình hình vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường địa phương; tổ chức các trò chơi thi tìm hiểu pháp luật, đố vui pháp luật, viết, vẽ theo các chủ đề chấp hành pháp luật, xây dựng các tiểu phẩm tình huống pháp luật. Giáo dục pháp luật trong trường học đã tạo ra một sân chơi lành mạnh mang tính giáo dục cao, thu hút được đông đảo học sinh, sinh viên tham gia.

Giáo dục pháp luật thông qua các hoạt động giáo dục ngoại khóa ngoài giờ lên lớp đã góp một phần không nhỏ trong việc giáo dục đạo đức, lối sống, giáo dục ý thức pháp luật cho học sinh, sinh viên nói chung và việc giáo dục ý thức pháp luật bảo vệ môi trường nói riêng.

Qua việc phân tích thực trạng hình thức, phương pháp giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường có thể thấy nó có những ưu điểm và hạn chế như sau:

Ưu điểm:

Mỗi hình thức giáo dục pháp luật nêu trên đều có tác dụng và hiệu quả nhất định giúp cho các đối tượng nâng cao văn hóa pháp lý, giáo dục tình cảm, lòng tin và ý thức tuân thủ pháp luật môi trường. Các hình thức được sử dụng tương đối phong phú tùy theo khả năng của chủ thể thực hiện và nhu cầu cũng như khả năng tiếp thu của đối tượng giáo dục pháp luật.

Các hình thức và phương pháp giáo dục pháp luật đang được áp dụng đã phần nào giúp cải thiện được nhận thức của người dân về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường, giúp họ sống có trách nhiệm hơn với cộng đồng, xã hội. Đồng thời nó giúp họ trang bị những kiến thức pháp luật nhất định để

tự bảo vệ quyền, lợi ích của mình vì quyền được sống trong một môi trường trong lành là quyền của tất cả mọi người

Những hạn chế về hình thức, biện pháp giáo dục pháp luật:

- Hoạt động giáo dục pháp luật cho học sinh, sinh viên tuy rất đa dạng, phong phú nhưng thiếu trọng tâm, trọng điểm, chưa thường xuyên, chưa có tính hệ thống. Phương pháp phổ biến pháp luật ngoại khóa chậm đổi mới, hoạt động ngoại khóa tổ chức đơn điệu thiếu hấp dẫn, chất lượng và hiệu quả còn thấp.

- Hoạt động giáo dục pháp luật cho học sinh, sinh viên chưa dựa trên kế hoạch thống nhất theo chương trình chung do Bộ Giáo dục – Đào tạo ban hành. Chưa xây dựng được Chương trình giáo dục pháp luật ngoại khóa phù hợp với từng cấp học và trình độ đào tạo.

- Hình thức mời chuyên gia nói chuyện, giáo dục pháp luật chưa được các cơ quan, đơn vị quan tâm đúng mức.

- Giáo dục pháp luật thông qua các phương tiện thông tin đại chúng cũng chưa được sử dụng nhiều; mặc dù đây là những hình thức giáo dục pháp luật rất có hiệu quả. Trong chương trinh Phát thanh, Truyền hình và cả trên các báo chí hàng ngày cho đến nay chưa có chuyên mục riêng về giải đáp, tìm hiểu pháp luật, chính sách môi trường một cách thường xuyên.

- Các hình thức giáo dục pháp luật mang tính phong trào, quần chúng sâu rộng, nhẹ nhàng dễ tiếp thu (như tổ chức thi tìm hiểu về pháp luật, hỏi đáp về pháp luật, câu lạc bộ pháp luật...) ít được các cơ quan, đơn vị thực hiện.

- Việc giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường được thực hiện chủ yếu theo kế hoạch bắt buộc. Ý thức tự giác học tập của một số cơ quan đơn vị, của một số người chưa cao.

- Phương pháp giảng dạy về cơ bản vẫn là độc thoại thuyết trình, giáo huấn một chiều; giáo viên giảng, học viên ghi, chưa khơi dậy được tính chủ

động, phát huy tính tích cực của học viên trong việc tìm tòi tự nghiên cứu, học tập. Có nhiều hạn chế trong việc vận dụng phương pháp dạy học tiên tiến.

- Nhận thức về công tác giáo dục pháp luật nói chung, việc dạy và học pháp luật nói riêng của một số cán bộ, giáo viên, học sinh, sinh viên chưa đúng mức, chưa đầu tư nhân lực, tài lực, thời gian thỏa đáng cho công tác này.
- Hình thức giáo dục pháp luật trong thời gian qua chưa được phong phú. Đây là một thực tế cần được khắc phục. Ngoài chương trình chính thức và một số bổ trợ trong "phần mềm" của chương trình giáo dục pháp luật hàng năm, các biện pháp hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật chủ yếu do cơ quan đơn vị cơ sở vận dụng thường là đơn điệu. Sự đơn điệu trong các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật đã làm hạn chế rất nhiều đến nhận thức và sự hiểu biết pháp luật trong các tập thể. Có thể nói, sự hiểu biết pháp luật còn ít hoặc hiểu biết không đầy đủ củng là một trong những nguyên nhân làm cho tình trạng vi phạm, tội phạm về bảo vệ môi trường trong thời gian qua trở nên phức tạp.

Phải khẳng định rằng trong thời gian qua, tình hình tội phạm cũng như vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường có chiều hướng tăng phần lớn là do nhận thức về bảo vệ môi trường của người dân còn hạn chế hoặc có hiểu biết nhưng cố tình vi phạm. Điều đó đặt ra vấn đề cho những người làm công tác giáo dục pháp luật cần tìm ra những hình thức, phương thức phù hợp với từng loại đối tượng để góp phần làm tăng nhận thức của đối tượng được giáo dục.

2.3. Những nguyên nhân cơ bản

Trong những năm qua, Đảng, Nhà nước đã quan tâm đến công tác phổ biến, giáo dục nói chung và công tác giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường nói riêng, trên cơ sở đó kết hợp các hình thức, biện pháp thích hợp, huy động mọi lực lượng, các tổ chức chính trị, xã hội tham gia công tác này.

Lãnh đạo, Thủ trưởng của các cơ quan như Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và môi trường, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã có những chỉ đạo cần thiết cho công tác giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường. Và từ đó, các cơ quan, đơn vị đã kịp thời ra nghị quyết lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện công tác tương đối nghiêm túc, chặt chẽ bằng kế hoạch hàng năm cho các đối tượng.

Các cơ quan, đơn vị đã có sự chủ động, sáng tạo trong việc triển khai thực hiện công tác giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường, khắc phục khó khăn, tận dụng được những khả năng vốn có về vật chất cũng như lực lượng và có sự phối hợp giữa các đơn vị.

Các cơ quan bảo vệ pháp luật các với đội ngũ cán bộ có năng lực giáo dục pháp luật đã tích cực, chủ động tham mưu đề xuất kế hoạch, nội dung, phối hợp với các cơ quan, đơn vị trong công tác giáo dục pháp luật bảo vệ môi trường; đồng thời tự mình trực tiếp tham gia giáo dục pháp luật bảo vệ môi trường theo nhiệm vụ cũng như yêu cầu của các đơn vị.

Tính tự giác, tinh thần trách nhiệm cao của những người được giao nhiệm vụ , giáo dục pháp luật bảo vệ môi trường cũng như của những người là đối tượng giáo dục pháp luật, trên cơ sở nhận thức được nhu cầu cấp thiết của công tác này trong xã hội nói chung và trong lĩnh vực bảo vệ môi trường nói riêng là cơ sở quan trọng để công tác giáo dục pháp luật bảo vệ môi trường đạt được hiệu quả cao.

Tuy nhiên, cùng với những ưu điểm, những bài học kinh nghiệm làm cho công tác giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường đạt được những kết quả tốt nêu trên, cũng cần tìm ra nguyên nhân của những mặt hạn chế, thiếu sót trong công tác này để trên cơ sở đó tìm ra các biện pháp khắc phục hữu hiệu, đưa công tác giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường vào nề nếp, đạt được hiệu quả cao hơn. Theo tác giả, những hạn chế, vướng mắc của giáo dục pháp

luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường có những nguyên nhân chính sau đây:

Nhận thức của một số cán bộ, kể cả cán bộ cấp cao chưa theo kịp với đòi hỏi của thực tế, chưa thấy hết vai trò của công tác giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường, dẫn đến trách nhiệm, nhiệt tình cho công tác này chưa cao.

Chưa có một cơ chế lãnh đạo, chỉ huy thống nhất và phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan chức năng trong xây dựng chương trình, biên soạn tài liệu; thực hiện công tác giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường. Vì vậy công tác này mang nhiều tính tự phát, thiếu kế hoạch, không được sơ, tổng kết một cách thỏa đáng để tìm ra những nguyên nhân, bài học cần thiết cho hoạt động tiếp theo.

Các nhà trường thiếu một chương trình chuẩn về giảng dạy pháp luật về bảo vệ môi trường củng như giáo trình chuẩn, thống nhất về môn học đó. Trong chương trình hiện nay nội dung giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường thường sơ sài về nội dung, trong khi một số nội dung thiết thực như cơ sở pháp luật về bảo vệ môi trường lại chưa (hoặc ít) được giảng dạy.

Thiếu đội ngũ cán bộ làm công tác giảng dạy, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường vừa có kiến thức về pháp luật vừa có khả năng sư phạm cần thiết; chưa có biện pháp thích hợp để đào tạo đội ngũ giáo viên pháp luật bảo vệ môi trường cho các nhà trường; chưa tổ chức được các lớp tập huấn, bồi dưỡng báo cáo viên chuyên về pháp luật về bảo vệ môi trường cho các cơ quan, đơn vị. Do thiếu chuyên gia trong lĩnh vực pháp luật bảo vệ môi trường nên nhiều cơ quan, đơn vị chỉ tổ chức đọc chương trình giáo dục pháp luật từ trên đưa xuống mà chưa tổ chức báo cáo, lên lớp, thảo luận theo như hướng dẫn.

Công tác giáo dục nâng cao ý thức pháp luật bảo vệ môi trường ở các cơ quan, đơn vị chưa được quan tâm thường xuyên. Nhìn chung quỹ thời gian dành cho giáo dục pháp luật nói chung và giáo dục pháp luật về bảo vệ môi

trường hàng năm còn ít, cá biệt có nơi còn xem nhẹ giáo dục pháp luật, gắn với giáo dục chính trị, giáo dục đạo đức, nhân cách.

Trên thực tế tình hình chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường ở các cơ quan, đơn vị cũng như trong cộng đồng dân cư chưa gắn với trình độ nhận thức về pháp luật của cán bộ, nhân dân. Cán bộ, nhân dân không vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường chủ yếu không phải do có hiểu biết pháp luật mà là do nhận thức được các hành vi đó trái với quy phạm đạo đức, nhân cách. Điều đó nói lên rằng hiệu quả công tác giáo dục pháp luật ở một số cơ quan, đơn vị và cộng đồng dân cư nhìn chung chưa được cao.

Công tác đảm bảo còn nhiều hạn chế. Chưa có nguồn kinh phí cần thiết cho công tác giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường. Thiếu các phương tiện, công cụ truyền tải, thiếu các tài liệu cần thiết (văn bản pháp luật và tài liệu học tập về pháp luật bảo vệ môi trường), trong khi đó các phương tiện thông tin đại chúng lại chưa dành cho công tác này một vị trí thích đáng.

Chưa vận dụng tốt giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường với giáo dục đạo đức, giáo dục chính trị, giáo dục ý thức tập quán, tôn giáo… nên hiệu quả không cao. Chúng ta đã biết, cả pháp luật và đạo đức đều góp phần bảo vệ các giá trị chân chính, đều liên quan đến việc điều chỉnh hành vi, đảm bảo cho con người trong xã hội. Pháp luật tham gia điều chỉnh quan hệ xã hội bằng những quy phạm, điều khoản quy định các quyền và nghĩa vụ của chủ thể. Các quy phạm pháp luật quy định chi tiết các hành vi được phép và hành vi bị cấm đoán. Đồng thời, các quy phạm pháp luật còn xác định cụ thể cách cư xử lẫn những hình phạt sẽ áp dụng nếu chủ thể vi phạm. Ngoài ra, pháp luật còn thực hiện điều chỉnh mối quan hệ giữa con người và xã hội bằng sự bắt buộc, cưỡng chế từ bên ngoài. Trong khi đó, đạo đức lại điều chỉnh các mối quan hệ bằng sự giác ngộ, tự nguyện và sự thôi thúc từ bên trong. Giáo dục pháp luật về môi trường sẽ vô cùng hiệu quả khi lồng ghép với tôn giáo,

tập tục. Ví dụ: Người dân tộc nào đó đã khôi phục lại tục lệ bảo vệ rừng và truyền bá tập tục này nên dân tộc đó không phá rừng mà bảo vệ rừng… hay kết hợp với các tổ chức tôn giáo lồng ghép vào truyền bá qua các kênh tôn giáo qua các chức sắc tôn giáo…. Thông qua các già làng trưởng bản giáo dục người dân bỏ du mục, du canh du cư chống phá rừng……

Vì vậy, hiệu quả giáo dục pháp luật đạt được chưa cao. Thực trạng tình hình hiểu biết pháp luật về bảo vệ môi trường trong quần chúng nhân dân cho thấy rằng nhận thức pháp luật của đa số nhân dân còn nhiều hạn chế. Thậm chí trong hàng ngũ cán bộ, chỉ huy các đơn vị tình trạng này cũng rất đáng lo ngại. Trong nhiều trường hợp có một số người đã có những hiểu biết nhất định về pháp luật, nhưng nhận thức pháp luật chưa biến chuyển thành tình cảm, lòng tin và thói quen tuân thủ pháp luật. Thực trạng ý thức pháp luật thấp trong cán bộ và nhân dân là một trong những nguyên nhân quan trọng gây ra tình trạng vi phạm pháp luật, phạm tội về bảo vệ môi trường đang xảy ra phức tạp và chưa có chiều hướng giảm hiện nay.

Kết luận chương 2

Nói tóm lại, những năm qua công tác giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường đã được thực hiện thường xuyên. Các cơ quan, đơn vị, cộng đồng dân cư đã tích cực triển khai các chỉ thị của Chính phủ về phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung và giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường nói riêng; đã hình thành và bước đầu đi vào hoạt động các hội đồng phối hợp công tác giáo dục pháp luật. Giảng dạy pháp luật đã được đưa vào chương trình học tập bắt buộc của các nhà trường. Tuy nhiên, công tác giáo dục pháp luật mới chỉ đi vào chiều rộng mà chưa có chiều sâu; mới chỉ thực hiện bắt buộc một chiều mà chưa phát huy được tính tích cực, tự giác của quần chúng nhân dân nhân. Hình thức nặng về phổ biến pháp luật hơn là giáo dục pháp luật; chưa động viên được lực lượng tổng hợp trong quần chúng nhân dân để thực hiện công tác này.

Luận Văn 24 - đơn vị cung cấp Dịch vụ viết thuê luận văn uy tín, giá cả phải chăng

Chương 3
QUAN ĐIỂM VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ, GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM

3.1. Quan điểm chung

3.1.1. Quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật

Trong quá trình đổi mới, xuất phát từ vai trò, ý nghĩa quan trọng của công tác giáo dục pháp luật, Đảng và Nhà nước ta đã đề ra nhiều biện pháp nhằm nâng cao hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật cho cán bộ, nhân dân. Đặc biệt, trong những năm gần đây, công tác giáo dục pháp luật đã được thực hiện theo các chương trình, kế hoạch cụ thể được Chính phủ phê duyệt. Sau khi ban hành Chỉ thị số 02/1998 về tăng cường giáo dục pháp luật trong giai đoạn hiện nay và Quyết định số 03/1998/QĐ-TTg ngày 07/01/1998 về việc ban hành Kế hoạch triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật từ năm 1998 đến năm 2002 và thành lập Hội đồng phối hợp công tác phổ biến giáo dục pháp luật, công tác này đã đạt được những kết quả quan trọng. Tiếp nối Chương trình này, ngày 17/01/2003, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 13/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phổ biến giáo dục pháp luật từ năm 2003- 2007. Đây là những văn bản pháp luật có ý nghĩa quan trọng, khẳng định quyết tâm của Đảng và Nhà nước ta trong việc đẩy mạnh công tác phổ biến giáo dục pháp luật, làm chuyển biến nhận thức, từng bước nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân, góp phần tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, quản lý xã hội bằng pháp luật trong thời kỳ đổi mới.

Để tiếp tục đưa công tác giáo dục pháp luật lên một tầm cao mới, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng Nhà nước pháp

quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa, ngày 09 tháng 12 năm 2003, Ban Bí thư Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam đã ban hành Chỉ thị số 32-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân. Chỉ thị đã khẳng định phổ biến giáo dục pháp luật là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục của các cơ quan Đảng, chính quyền, Nhà nước và cả hệ thống chính trị, đồng thời công tác giáo dục pháp luật là một bộ phận của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng. Chỉ thị thể hiện sự đổi mới về nhận thức của Đảng ta đối với công tác giáo dục pháp luật. Để triển khai thực hiện Chỉ thị này, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 61/2007/NQ-CP ngày 07/12/2007 của Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW; Quyết định số 212/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 12 năm 2004 phê duyệt Chương trình hành động quốc gia phổ biến giáo dục pháp luật và nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho cán bộ, nhân dân ở xã, phường, thị trấn từ năm 2005 đến năm 2010. Tiếp đó ngày 12/3/2008, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 37/2008/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình phổ biến giáo dục pháp luật từ năm 2008 đến năm 2012, trong đó có 04 đề án về phổ biến giáo dục pháp luật tạo nguồn lực quan trọng cho công tác này. Thủ tướng Chính phủ còn ban hành Quyết định số 2160/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2010 phê duyệt Đề án tăng cường công tác phổ biến giáo dục pháp luật nhằm nâng cao ý thức pháp luật cho thanh thiếu niên giai đoạn 2011 – 2015; Quyết định số 409/QĐ-TTg ngày 09 tháng 4 năm 2012 ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 04-KL/TW ngày 19 tháng 4 năm 2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XI), trong đó có nhiều đề án về giáo dục pháp luật. Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành Kết luận số 04-KL/TW ngày 19/4/2011 về kết quả thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW. Bên cạnh đó, các Bộ, ngành, đoàn thể ở trung ương và các địa phương đã ban hành nhiều

Chương trình, kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật. Ngoài ra, Bộ Tư pháp đã

ban hành và liên tịch ban hành một số Thông tư, Thông tư liên tịch về lĩnh vực nêu trên, tạo cơ sở pháp lý cho việc tăng cường chất lượng, hiệu quả công tác phổ biến giáo dục pháp luật.

Nhằm triển khai Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban Bí thư, các Chương trình phổ biến giáo dục pháp luật của Chính phủ, các bộ, ngành và Uỷ ban nhân dân các cấp đã chủ động xây dựng kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật dài hạn, hàng năm và kế hoạch triển khai công tác phổ biến giáo dục pháp luật ở từng thời gian cụ thể, từng đợt cao điểm; ban hành và tổ chức triển khai nhiều Đề án về giáo dục pháp luật để tạo nguồn lực cho công tác này.

Đặc biệt, để tạo cơ sở pháp lý mạnh, đồng bộ, thống nhất cho công tác phổ biến giáo dục pháp luật, góp phần nâng cao hiệu quả công tác này, ngày 20 tháng 6 năm 2012, Quốc hội đã thông qua Luật phổ biến giáo dục pháp luật. Luật có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

3.1.2. Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về bảo vệ môi trường

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định: "*Tạo chuyển biến mạnh mẽ trong việc xây dựng văn hóa, đạo đức và lối sống; kiềm chế tốc độ tăng dân số, nâng cao thể chất và sức khỏe nhân dân; bảo vệ và cải thiện môi trường*"; *"Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa lớn đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái"; "Chú trọng phát triển công nghiệp năng lượng đi đôi với áp dụng công nghệ tiết kiệm nguyên, vật liệu; công nghiệp dược và các chế phẩm sinh học; công nghiệp bảo vệ môi trường... Coi trọng việc thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động kinh tế, xã hội... Áp dụng các biện pháp mạnh mẽ để ngăn chặn các hành vi huỷ hoại hoặc gây ô nhiễm môi trường... xây dựng và thực hiện nghiêm các quy đinh về phục hồi môi trường các khu khai thác khoáng sản... Hoàn chỉnh pháp luật, tăng*

cường quản lý nhà nước đi đôi với nâng cao ý thức trách nhiệm của mọi người dân, của toàn xã hội đối với việc phòng ngừa ô nhiễm, bảo vệ và cải thiện môi trường. Thực hiện nguyên tắc người gây ô nhiễm phải xử lý ô nhiễm hoặc phải chi trả cho việc xử lý ô nhiễm... Mở rộng hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường và quản lý khai thác tài nguyên thiên nhiên...".[26]

Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đã chỉ rõ: *"Bảo vệ môi trường là một trong những vấn đề sống còn của nhân loại; là nhân tố đảm bảo sức khỏe và chất lượng cuộc sống của nhân dân; góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị, an ninh quốc phòng và thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta".*

Bảo vệ môi trường vừa là mục tiêu, vừa là một trong những nội dung cơ bản của phát triển bền vững, phải được thể hiện trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội của từng ngành và từng địa phương. Khắc phục tư tưởng chỉ chú trọng phát triển kinh tế - xã hội mà coi nhẹ bảo vệ môi trường. "Đầu tư cho bảo vệ môi trường là đầu tư cho phát triển bền vững" và "Xây dựng nước ta trở thành một nước có môi trường tốt, có sự hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường; mọi người đều có ý thức bảo vệ môi trường, sống thân thiện với thiên nhiên".

Quyết định số 256/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 02/12/2003 phê duyệt Chiến lược quốc gia về bảo vệ môi trường đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020; Quyết định số 34/2005/QĐ-TTg ngày 22/02/2005 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15 tháng 11 năm 2004 của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp

hoá, hiện đại hoá đất nước khẳng định quan điểm: "Chiến lược bảo vệ môi trường là bộ phận cấu thành không thể tách rời của Chiến lược phát triển kinh tế, xã hội, là cơ sở quan trọng bảo đảm phát triển bền vững đất nước. Phát triển kinh tế phải kết hợp chặt chẽ, hài hòa với phát triển xã hội và bảo vệ môi trường, là đầu tư cho phát triển bền vững".

3.2. Một số giải pháp, kiến nghị chung

Để góp phần phát triển kinh tế-xã hội, thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, việc đẩy mạnh công tác giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường là hết sức cần thiết. Trong đó cần chú trọng tăng cường đổi mới nội dung, các hình thức, biện pháp giáo dục pháp luật đảm bảo pháp luật được truyền tải đến cán bộ, nhân dân, tổ chức trong nước và nước ngoài thiết thực, đáp ứng được nhu cầu thông tin, học tập, tìm hiểu pháp luật bảo vệ môi trường và góp phần nâng cao ý thức pháp luật, xây dựng tri thức pháp lý.

Theo đó xin có một số kiến nghị nhằm đổi mới, nâng cao hiệu quả giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường ở Việt Nam hiện nay như sau:

1. *Nâng cao năng lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng, chính quyền đối với công tác giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường.* Trong cơ chế tổ chức thực hiện công tác giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường, các cơ quan nhà nước giữ vai trò chủ chốt, các tổ chức chính trị-xã hội, đoàn thể vừa chủ động phối hợp thực hiện. Đồng thời huy động sự tham gia của từng cộng đồng, từng cá nhân đối với công tác giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường để một mặt đưa hoạt động này thành nề nếp, mặt khác tạo dư luận, xã hội lành mạnh để hình thành ý thức tôn trọng pháp luật bảo vệ môi trường trong từng cộng đồng, cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Các cấp chính quyền chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường cho từng đối tượng cụ thể, tập

trung hướng mạnh tuyên truyền pháp luật về cơ sở; nắm vững đặc điểm, tình hình cơ sở để luôn đổi mới cách thức, phương pháp phổ biến, giáo dục pháp luật cho phù hợp với đối tượng, địa bàn, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chính trị trong tình hình mới.

2. *Kết hợp giữa giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường và xây dựng, hoàn thiện pháp luật về bảo vệ môi trường.* Thực hiện, giáo dục pháp luật bảo vệ môi trường sâu cho từng đối tượng với mục đích đối tượng tuyên truyền không chỉ dừng ở việc tìm hiểu pháp luật chung mà còn có ý thức phát hiện những quy định pháp luật không phù hợp với cuộc sống từ đó có những đề xuất, kiến nghị sửa đổi quy định pháp luật này.

3. *Việc thực hiện công tác giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường nói chung và triển khai các hình thức giáo dục pháp luật nói riêng luôn gắn chặt với công tác vận động nhân dân chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường và tổ chức thực hiện pháp luật bảo vệ môi trường.* Lồng ghép các hoạt động tuyên truyền với việc thực hiện các cuộc vận động, các phong trào đang thực hiện tại cơ sở. Bên cạnh đó, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường cần gắn với việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, giải đáp những vướng mắc về pháp luật môi trường và công tác hoà giải ở cơ sở.

4. *Nâng cao chất lượng và xây dựng kế hoạch nhân rộng các hình thức chỉ đạo điểm có hiệu quả.* Từ trung ương tới cơ sở xây dựng kế hoạch, chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc triển khai việc nhân rộng các hình thức chỉ đạo điểm có hiệu quả. Phát huy thế mạnh, khắc phục hạn chế của các hình thức và luôn chủ động, sáng tạo trong áp dụng các hình thức. Ở mỗi địa phương, mỗi ngành, mỗi cấp đều có những điều kiện, hoàn cảnh riêng. Do vậy để triển khai tốt các hình thức giáo dục pháp luật trên thực tế thì tính chủ động, sáng tạo của từng cơ quan, đơn vị, địa phương cần được phát huy triệt để. Chính từ cơ sở, mỗi hình thức, mỗi cách làm riêng phù hợp với điều kiện hoàn cảnh,

phong tục tập quán và nhu cầu tìm hiểu pháp luật bảo vệ môi trường của cán bộ, nhân dân sẽ đem lại hiệu quả thiết thực.

5. *Tăng cường chất lượng nguồn nhân lực, vật lực cho công giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường,* đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu kiến thức pháp luật bảo vệ môi trường và nghiệp vụ giáo dục pháp luật cho cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm và đội ngũ tuyên truyền viên, hoà giải viên, giáo viên dạy môn giáo dục công dân, pháp luật trong trường học, phóng viên, biên tập viên pháp luật; xác định rõ khoản ngân sách hàng năm cho hoạt động này theo hướng tăng thêm để đáp ứng đầy đủ, kịp thời về kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện cho hoạt động giáo dục pháp luật bảo vệ môi trường.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, các cấp uỷ Đảng, chính quyền và các đoàn thể nhân dân cần vận dụng sang tạo những hình thức, biện pháp, đồng thời căn cứ vào tình hình đặc điểm cụ thể của địa phương, đơn vị và căn cứ yêu cầu của tình hình mới của đất nước để có phương pháp chỉ đạo, thực hiện đạt hiệu quả nhất, nhằm nâng cao tri thức pháp luật bảo vệ môi trường, ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật nói chung và pháp luật bảo vệ môi trường nói riêng; đóng góp xứng đáng vào công cuộc phát triển kinh tế, xã hội, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

3.3. Một số giải pháp, kiến nghị cụ thể

3.3.1. Đổi mới nội dung giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường

Xác định đúng đắn, phù hợp nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường là một giải pháp quan trọng trong đổi mới công tác này . Trong điều kiện nhận thức pháp luật bảo vệ môi trường của nhân dân còn hạn chế, các văn bản pháp luật bảo vệ môi trường được Nhà nước ban hành trong những năm gần đây càng ngày càng nhiều, điều kiện tổ chức, bảo đảm và thời gian dành cho công tác này có hạn thì việc xác định nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật thế nào cho đúng đắn phù hợp là một trong những điều kiện rất

quan trọng đảm bảo cho công tác này có hiệu quả. Xác định nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật bảo vệ môi trường cần được tiến hành theo hai mảng: xác định nội dung phổ cập pháp luật bảo vệ môi trường chung và xác định nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật cho từng đối tượng cụ thể.

Xác định nội dung phổ cập pháp luật bảo vệ môi trường chung cho đối tượng. Trong điều kiện hiện nay, cần tập trung giáo dục đến mọi đối tượng trong xã hội những văn bản pháp luật bảo vệ môi trường cơ bản nhất như Hiến pháp quy định về bảo vệ môi trường như thế nào, Luật Bảo vệ môi trường để ai cũng có thể hiểu về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường.

Xác định nhu cầu hiểu biết pháp luật của từng nhóm đối tượng cụ thể để có nội dung, hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp nhằm tăng cường hiệu quả của công tác này.

Để xác định nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật sát hơn, thiết thực hơn, mỗi nhóm còn phải được nhân nhỏ, cụ thể hóa cho phù hợp hơn với nội dung ngành nghề, nhiệm vụ cụ thể mà đối tượng được phân công. Vì vậy, việc cá biệt hóa nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật bảo vệ môi trường, xác định nội dung chuyên ngành cho từng ngành nghề; chương trình học tập pháp luật bảo vệ môi trường cho từng trường với nội dung và lượng thời gian phù hợp có ý nghĩa rất quan trọng cho việc nâng cao hiệu quả công tác này.

Đối với việc giáo dục pháp luật bảo vệ môi trường cho học sinh, sinh viên trong các nhà trường cần đảm bảo cung cấp cho học sinh những kiến thức cơ bản về pháp luật bảo vệ môi trường, vai trò và tác động của pháp luật bảo vệ môi trường trong đời sống xã hội. Nội dung kiến thức pháp luật trong chương trình phải phù hợp với đặc điểm nhận thức và tâm, sinh lý của lứa

tuổi học sinh. Nội dung giáo dục pháp luật cho học sinh, sinh viên không chỉ dừng lại ở việc giáo dục vai trò của môi trường với đời sống mà cần giáo dục cả những quy định pháp luật liên quan đến vẫn đề bảo vệ môi trường.

Xác định nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật của các phương tiện thông tin đại chúng.

Khi xác định nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường cần chú ý hai đặc điểm: *một là,* cần đảm bảo tính cập nhật của nội dung. Do các chương trình riêng của bảo vệ môi trường có thời lượng phát sóng không nhiều, số trang của những tạp chí về môi trường phát hành ít hơn so với các báo khác; cho nên các cơ quan quản lý, các ban biên tập chương trình phát thanh, truyền hình, báo... cần bám sát đời sống pháp luật của xã hội nói chung và môi trường nói riêng để kịp thời có những chương trình, bài báo, thông tin pháp lý kịp thời đến nhân dân giúp cho họ có những hiểu biết kịp thời về các văn bản pháp luật được ban hành hoặc có được nhận thức đúng đắn về các sự kiện pháp lý xảy ra trong xã hội; *hai là,* nội dung giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường thông qua các phương tiện thông tin đại chúng cần mang tính phổ thông, dễ hiểu, dễ tiếp thu cho mọi đối tượng khán giả, thính giả và độc giả. Có như vậy các chương trình này mới phát huy được hiệu quả.

Giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường thông qua hoạt động thực hiện chức năng cụ thể của các cơ quan bảo vệ pháp luật cũng là một nội dung quan trọng trong đổi mới về nội dung giáo dục pháp về bảo vệ môi trường. Đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật cần nắm bắt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước cũng như nhu cầu xã hội, về đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm về môi trường để thông qua hoạt động thực hiện chức năng của mình có nội dung giáo dục phù hợp, thiết thực với việc phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật môi trường.

3.3.2. Đổi mới hình thức và phương pháp giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường

Để công tác giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường đạt được hiệu quả cao, hình thức phương pháp giáo dục pháp luật có vai trò rất quan trọng. Đối với mỗi nội dung, mỗi đối tượng cần sử dụng hình thức, phương pháp phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp với khả năng nhận thức, thời gian được quy định, vì vậy, đổi mới hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật cũng là một vấn đề cần thiết với công tác giáo dục pháp luật nói chung và đặc biệt là với công tác giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường nói riêng và cần được thực hiện theo các hướng sau đây:

- *Phát huy hình thức giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường cho học sinh, sinh viên các nhà trường thông qua hoạt động giáo dục ngoại khóa, giáo dục ngoài giờ lên lớp.* Phải khẳng định việc giáo dục pháp luật thông qua các hoạt động giáo dục ngoại khóa ngoài giờ lên lớp là một trong những giải pháp hữu hiệu trong điều kiện đưa các nội dung giáo dục pháp luật vào chương trình giáo dục chính khóa gặp nhiều khó khăn do việc phải bảo đảm chương trình, thời lượng học tập của học sinh, sinh viên, tránh hiện tượng nhồi nhét quá nhiều kiến thức vào nhà trường, gây quá tải cho học sinh, sinh viên. Thông qua hoạt động giáo dục ngoại khóa, ngoài giờ lên lớp học sinh, sinh viên sẽ được tiếp thu kiến thức pháp luật một cách tự nhiên, sinh động với nhiều hình thức phù hợp, hấp dẫn tạo nên sân chơi lành mạnh thu hút được nhiều học sinh tham gia.

- *Từng bước đưa nội dung pháp luật bảo vệ môi trường vào chương trình học bắt buộc.* Hiện nay, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường chủ yếu vẫn được dạy lồng ghép, vẫn có những cuộc thi tìm hiểu nhưng thường là làm theo phong trào mà không chú ý đến kết quả. Vì vậy, thiết nghĩ việc đưa pháp luật về bảo vệ môi trường thành một nội dung bắt buộc, có kiểm tra,

đánh giá sẽ góp phần nâng cao ý thức pháp luật về bảo vệ môi trường cho người học.

- Đa dạng hóa hình thức, phương pháp phổ biến, giáo dục pháp luật. Cần vận dụng phù hợp các hình thức, biện pháp khác nhau như tác động vào ý thức (lên lớp, thuyết phục, trao đổi, tranh luận...) tác động lên hành vi, thói quen (rèn luyện, duy trì kỷ luật, xử lý tình huống thực tế...) cũng như tác động tâm lý khác (nêu gương khen thưởng, xử phạt...). Tùy theo từng đối tượng mà sử dụng phương pháp phù hợp với khả năng nhận thức, tâm lý lứa tuổi, điều kiện tổ chức củng như đảm bảo của cơ quan, đơn vị. Ngoài việc học tập pháp luật bảo vệ môi trường theo chương trình, kế hoạch hàng năm của các cơ quan nhà nước, chương trình đào tạo bắt buộc của các nhà trường, cần tăng cường các hình thức phổ biến, giáo dục ngoại khóa, sử dụng các phương pháp phổ biến, giáo dục nhẹ nhàng (như tham dự các phiên tòa xét xử các vụ án, thông qua sinh hoạt tập thể, văn hóa, văn nghệ có chủ đề liên quan đến pháp luật, trao đổi, tọa đàm về pháp luật, v.v...). Các hình thức, biện pháp nêu trên có ưu điểm là nhẹ nhàng, dễ tiếp thu và lôi cuốn được đối tượng vào nội dung cần phổ biến, giáo dục. Đặc biệt cần chú trọng tới hình thức giáo dục pháp luật thông qua các phương tiện thông tin đại chúng vì Các phương tiện thông tin đại chúng với những ưu thế đặc biệt đã thực sự là một công cụ tuyên truyền giáo dục pháp luật có hiệu quả xã hội cao. Các phương tiện thông tin đại chúng làm cho mỗi người dân trong đời sống sinh hoạt thường ngày của mình được tiếp cận với các phương tiện thông tin đại chúng một cách trực tiếp, cập nhật, phong phú, đa dạng, sinh động, dễ dàng. Theo tác giả, tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường thông qua các phương tiện thông tin đại chúng là một đòi hỏi cấp thiết hiện nay. Muốn tuyên truyền giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường, người làm công tác thông tin đại chúng, cơ bản là các nhà báo phải được giáo dục về pháp luật, có kiến thức luật pháp khá sâu trên từng lĩnh vực. Nhà báo cần nghiên cứu, nắm vững hệ thống luật pháp trong lĩnh vực mà

mình phụ trách như giao thông, môi trường, an ninh trật tự, kinh tế, tài chính, văn hóa, xã hội... Những thông tin giáo dục pháp luật phải chính xác, hệ thống, đầy đủ, rõ ràng, dễ hiểu, dễ nhớ, có ấn tượng khó quên.

Hiện nay, để đáp ứng nhu cầu của thực tiễn, đã có những tờ báo riêng về bảo vệ môi trường như Tạp chí Môi trường đô thị, báo Môi trường và sức khỏe, Môi trường và pháp luật… Tuy nhiên, mức độ phủ sóng chủa những tờ báo này lại ít người biết đến, chủ yếu chỉ là những người làm trong ngành nghề vì vậy mức độ tuyên truyền pháp luật bảo vệ môi trường chưa đạt được kết quả như mong muốn. Do đó, thiết nghĩ ngoài việc tiếp tục duy trì và phát triển những tờ báo chuyên ngành như vậy, các tờ báo lớn có lượng độc giả đông như Nhân dân, Người lao động, Thanh niên… nên mở thêm những chuyên mục tư vấn pháp luật, trong đó, hàng tháng có chuyên mục tư vấn về pháp luật bảo vệ môi trường.

Ngoài việc in các văn bản pháp luật theo quy định của nhà nước đối với các báo, chuyên mục này có các nội dung như hỏi đáp về pháp luật bảo vệ môi trường, giới thiệu các văn bản pháp luật liên quan, nêu gương về chấp hành và bảo vệ pháp luật bảo vệ môi trường... Để làm được điều đó, các báo phải có biên chế phóng viên pháp luật chuyên trách chịu trách nhiệm về chuyên mục này để viết bài và đặc biệt là thu hút được đội ngũ cộng tác viên viết bài cho báo.

Ngoài các tờ báo lớn và các tờ báo chuyên trách , hiện nay các địa phương cũng phát hành các báo của mình. Tùy theo số lượng và thời gian phát hành các báo này cũng cần có nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường cho nhân dân địa phương, đơn vị mình.

- *Tổ chức rèn luyện hình thành thói quen, nếp sống tuân theo pháp luật là hình thức, phương pháp phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường có hiệu quả.* Chú ý phương pháp phê phán, làm sáng tỏ các nguyên nhân, điều kiện vi phạm; các bài học kinh nghiệm về các vi phạm pháp luật bảo vệ môi

trường và phạm tội; nêu gương tốt trong chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường cũng như bài học trong xử lý vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường ở các địa phương. Xây dựng một môi trường pháp lý tích cực ở các địa phương, nơi mà pháp luật bảo vệ môi trường của Nhà nước được tuân thủ, chấp hành nghiêm chỉnh; các vi phạm pháp luật được xử lý nghiêm minh là điều kiện và cũng là biện pháp tốt của việc phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường. Để thực hiện được hình thức này, vai trò của các phương tiện truyền thông như phát thanh, truyền hình, báo chí và hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật rất quan trọng. Đặc biệt, việc tổ chức cho nhân dân tham gia các phiên tòa xét xử lưu động, xét xử điển hình các vụ án môi trường là rất cần thiết để mỗi người tự liên hệ, biết được các quy định của pháp luật về tội phạm, thủ tục tiến hành truy cứu trách nhiệm hình sự, biết được nguyên nhân, điều kiện phạm tội hoặc vi phạm pháp luật... từ đó có cách xử sự phù hợp trong cuộc sống và công tác hàng ngày.

- *Cá thể hóa hình thức, phương pháp giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường:* Đối với mỗi loại hay nhóm đối tượng có hình thức, phương pháp giáo dục pháp luật phù hợp với khả năng tiếp thu, điều kiện công việc và nhu cầu thực tiễn.

Trong những hoàn cảnh nhất định khi chưa có điều kiện giáo dục pháp luật đầy đủ cho nhân dân thì những tuyên truyền viên, các phương tiện truyền thông cần tăng cường phổ biến các văn bản pháp luật do Nhà nước ban hành một cách sớm nhất; tạo điều kiện cho mỗi người có thể tự tìm hiểu, liên hệ nâng cao ý thức pháp luật của bản thân mình.

Hiện nay công tác giáo dục pháp luật nói chung và giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường nói riêng chủ yếu vẫn nặng về chương trình bắt buộc, thông tin, truyền đạt một chiều. Phương pháp này có ưu điểm là đảm bảo số lượng người tham gia với tỷ lệ cao, chủ động trong việc lập và thực hiện kế hoạch công tác theo nội dung, chương trình đã lựa chọn. Thế nhưng nó cũng

có những hạn chế nhất định, làm cho đối tượng tiếp thu thụ động, máy móc; hình thức đơn điệu dễ sinh ra trạng thái nhàm chán ở đối tượng, dẫn đến hiệu quả không cao.

Vì vậy, cần kết hợp tốt việc học tập bắt buộc với tự học tập, "tự giáo dục"; xây dựng ý thức tự giác học tập pháp luật bảo vệ môi trường cho mỗi người. Để làm được điều này, việc tổ chức đảm bảo tài liệu, thông tin cho mỗi công dân, đảm bảo thời gian cần thiết, gợi ý, hướng dẫn nội dung cho từng đối tượng... là điều kiện rất quan trọng cho việc tự học tập. Từ góc độ đó, việc xây dựng tủ sách pháp luật ở các địa phương có ý nghĩa thực tiễn quan trọng cho công tác phổ biên, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường.

- *Hình thức giáo dục pháp luật phải phù hợp với nội dung cần giáo dục mới có thể nâng cao tính hiệu quả của công tác này.* Với thời gian hạn chế, mỗi địa phương cần căn cứ cụ thế vào chức năng, nhiệm vụ của mình và đối tượng để có hình thức, biện pháp phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp, có hiệu quả. Trong những trường hợp nhất định có thể lồng ghép nội dung giáo dục pháp luật vào các chương trình học tập, huấn luyện khác của địa phương.

- *Cần kết hợp giáo dục pháp luật bảo vệ môi trường với giáo dục đạo đức, giáo dục tôn giáo, phong tục, tập quán cho đồng bào các dân tộc vùng sâu, vùng xa.* Tích cực cụ thể hóa nội dung và đổi mới hình thức, phương pháp giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường phù hợp trình độ dân trí của đồng bào dân tộc thiểu số cũng như phong tục, tập quán ở từng địa phương. Nắm vững các thiết chế của từng tôn giáo, dân tộc trong công tác giáo dục pháp luật. Trong giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường đối với đồng bào dân tộc cần nghiên cứu nắm vững những tác động của hệ thống thiết chế xã hội cổ truyền của từng tôn giáo, từng dân tộc, biết kế thừa và phát triển những yếu tố tích cực, tiến bộ trong phong tục, tập quán của từng dân tộc, tôn giáo còn phù hợp với pháp luật trong giai đoạn hiện nay; xây dựng nội dung, hình thức tổ chức, phương pháp hoạt động phù hợp với đặc điểm, điều kiện, tình

hình cụ thể ở từng địa bàn, phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng, có sự đầu tư thoả đáng cho lực lượng tại chỗ, có đủ sức xử lý những tình huống xảy ra ngay tại địa bàn. Đặc biệt, cần chú ý tới đội ngũ giáo viên ở các trường vùng sâu, vùng xa vì trong thực tế có không ít nhà giáo "cắm bản" lâu năm, hiểu rõ tâm lý của người dân, có uy tín với nhân dân, lại có kiến thức và kĩ năng sư phạm. Những người này thực hiện nhiệm vụ giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường chắc chắn sẽ đạt kết quả tốt.

Ngoài việc đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường, để công tác này đạt được hiệu quả cần tăng cường các công tác bảo đảm. Đó là:

- Thành lập các Hội đồng phối hợp giáo dục pháp luật ở các địa phương với cơ cấu hợp lý và có biện pháp đảm bảo cho các Hội đồng đó hoạt động có nề nếp và hiệu quả. Tập trung rút kinh nghiệm và xác định, phân biệt rõ nhiệm vụ của các Hội đồng với các cơ quan chức năng khác như cơ quan chính trị, cơ quan tham mưu, cơ quan pháp chế, v.v... Trong Hội đồng nên có những người tuyên truyền viên nắm vững kiến thức pháp lý về một lĩnh vực cụ thể trong đó có pháp luật về bảo vệ môi trường và luôn được trau dồi kiến thức cũng như chuyên môn nghiệp vụ để có thể thực hiện công tác này một cách tốt và có trách nhiệm nhất.

- Tăng cường hoạt động giám sát, kiểm tra công tác phổ biến, giáo dục pháp luật bảo vệ môi trường ở các địa phương. Bất kỳ một hoạt động nào nếu thiếu sự kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thì chất lượng, hiệu quả đạt được sẽ không cao. Theo tác giả, cần đưa việc kiểm tra pháp luật vào nội dung kiểm tra chính trị hàng năm đối với các Đảng viên và quần chúng thậm chí ngay cả các chủ doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trên địa bàn, lấy đó là một trong những nội dung thi đua của các cơ quan, đơn vị.

- Đưa pháp luật bảo vệ môi trường vào giảng dạy ờ tất cả các trường , từ các trường đào tạo cử nhân, các học viện đến các trường trung cấp kỹ thuật

với nội dung và thời gian phù hợp với chương trình và mục đích đào tạo của mỗi trường. Mỗi trường cần tổ chức trao đổi rà soát lại chương trình, nội dung đào tạo, trao đổi kinh nghiệm về phương pháp giảng dạy môn pháp luật, thực hiện việc trao đổi, mời các giáo viên thỉnh giảng... để đưa việc giảng dạy pháp luật vào nề nếp và có chất lượng, hiệu quả.

- Tổ chức đào tạo bằng các hình thức khác nhau đội ngũ giáo viên pháp luật, tiêu chuẩn hóa đội ngũ giáo viên pháp luật ở các trường ; xây dựng đội ngũ tuyên truyền viên, báo cáo viên pháp luật trong toàn quốc; đội ngũ cộng tác viên pháp luật cho các báo .

- Tổ chức mạng thông tin pháp lý bảo vệ môi trường ở các địa phương nhằm cập nhật thông tin pháp lý cho cán bộ, nhân dân củng như đáp ứng yêu cầu về thông tin chuyên sâu cho cán bộ, nhân dân khi có yêu cầu. Có biện pháp tổ chức các hoạt động tư vấn pháp luật bảo vệ môi trường để kịp thời giúp đỡ pháp lý khi cần thiết cho các đơn vị và cá nhân. Đây là hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật cá thể quan trọng và có hiệu quả. Khi cá nhân, tổ chức có vướng mắc về pháp luật liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường có nhu cầu giúp đỡ về pháp lý được giúp đỡ pháp luật có liên quan thì pháp luật sẽ thực sự đi vào nhận thức và hành động của họ. Hơn nữa, những người này cũng sẽ là hạt nhân quan trọng truyền đạt kiến thức pháp luật bảo vệ môi trường cho người khác. Mặc dù, hiện nay ở các địa phương đã có các công ty luật, các đoàn luật sư, các tổ chức trợ giúp pháp lý cho người nghèo hoặc đối tượng chính sách nhưng chưa thể đáp ứng được nhu cầu của các cá nhân, tổ chức. Tổ chức mạng thông tin pháp lý không tách rời khỏi tài liệu, sách báo pháp luật. Những năm gần đây sách báo pháp lý được Nhà nước xuất bản rất phong phú, với nhiều nội dung khác nhau. Tuy nhiên, mảng sách báo pháp lý liên quan đến bảo vệ môi trường chưa nhiều, chủ yếu mang tính giáo dục phổ thông. Để có tài liệu cần thiết cho phổ biến, giáo dục pháp luật, cho tham khảo trong các nhà trường,

cần có kế hoạch xuất bản các nội dung liên quan đến pháp luật bảo vệ môi trường phát hành đến các đơn vị.

Tổ chức tốt các *Tủ sách pháp luật* ở các địa phương, trước mắt có thể chỉ đến cấp xã, phường, nhưng trong tương lai phải đến càng gần cá nhân càng tốt. Trong tủ sách này cần có hai loại tài liệu: tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật chung (các văn bản pháp luật cơ bản cần thiết, các tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật chung trong nhân dân do Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của Chính phủ hướng dẫn) và các tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật riêng trong các lĩnh vực trong đó có bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, nên thành lập các trung tâm thông tin pháp luật như các thư viện công cộng với cơ sở dữ liệu pháp luật được truy cập miễn phí, những cơ sở dữ liệu pháp luật này nên được cập nhật thường xuyên phù hợp với yêu cầu tìm hiểu của người dân.

Để thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật bảo vệ môi trường ở các địa phương có hiệu quả cần có đủ các đề cương cụ thể. Các đề cương này có thể do Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của Chính phủ soạn thảo và bảo đảm. Thế nhưng đối với các nội dung đặc trưng cho giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường thì cần được giao cho các cơ quan chức năng liên quan biên soạn để kịp thời cung cấp cho các đơn vị cơ sở phục vụ cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Đảm bảo cơ sở vật chất là một điều kiện rất cần cho hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật có hiệu lực. Việc xây dựng các tủ sách pháp luật trong thư viện, đảm bảo có đủ các tài liệu sách báo pháp luật ở phòng đọc sách báo, ở các địa phương để cho nhân dân tự học tập, nghiên cứu là rất cần thiết. Chính phủ cần có một nguồn ngân sách riêng cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đảm bảo cho biên soạn, in ấn và trang bị đủ tài liệu, giáo trình cần thiết cho việc giáo dục pháp luật trong toàn quốc.

Kết luận chương 3

Trên đây là những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của công tác giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường. Để công tác này thực sự đạt hiệu quả cần sử dụng đồng bộ các giải pháp nêu trên cùng với sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan cùng với nguồn ngân sách hợp lý để bảo đảm thực hiện công tác này một cách hiệu quả nhất.

Luận Văn 24 - đơn vị cung cấp Dịch vụ viết thuê luận văn uy tín, giá cả phải chăng

KẾT LUẬN CHUNG

Nghiên cứu giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường là một việc làm rất cần thiết và quan trọng để làm sáng tỏ cơ sở lý luận cho việc triển khai thực hiện các Chỉ thị của Chính phủ về tăng cường công tác , giáo dục pháp luật trong cả nước nói chung và trong lĩnh vực bảo vệ môi trường nói riêng. Mặc dù năng lực có hạn và có những khó khăn trong quá trình nghiên cứu, nhưng cùng với sự cố gắng của bản thân tác giả đã đạt được những kết quả nhất định. Những kết quả đó được thể hiện như sau:

1. "Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật" là một trong những yêu cầu quan trọng của việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Pháp luật được ban hành phải được chấp hành nghiêm chỉnh trong thực tế. Muốn xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam thành công thì bên cạnh điều kiện cần là ban hành một hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ, phù hợp với điều kiện thực tế của xã hội nước ta, còn phải có điều kiện đủ là đưa hệ thống pháp luật vào cuộc sống, làm cho mọi thành viên của xã hội đều nhận thức được các quy định của pháp luật để sống và làm việc theo pháp luật, tạo điều kiện cho Nhà nước quản lý xả hội bằng pháp luật. Để pháp luật thực sự có thể đi vào cuộc sống, đòi hỏi mỗi công dân, mỗi cán bộ, chiến sĩ phải nhận thức đầy đủ về các quy định của pháp luật, có lòng tin vào hiệu quả điều chỉnh của các quy định đó, để từ đó có ý thức chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật và co ý thức tham gia vào các hoạt động chống và phòng ngừa tội phạm cũng như vi phạm pháp luật khác, vì vậy, giáo dục pháp luật có vai trò rất quan trọng trong việc thực hiện pháp luật, duy trì trật tự, kỷ cương trong xã hội.

2. Giáo dục pháp luật là một hoạt động độc lập tương đối, có mục đích, nội dung, hình thức, chủ thể và đối tượng riêng. Giáo dục pháp luật là hoạt động có tổ chức, có định hướng của cơ quan, tổ chức và cá nhân cung cấp tri

thức pháp luật (trong đó chủ yếu là hiểu biết về hệ thống pháp luật thực định của Nhà nước ta), bồi dưỡng tình cảm và hành vi hợp pháp cho đối tượng nhằm hình thành ở họ ý thức, tình cảm pháp luật đúng đắn, thói quen tuân thủ pháp luật và tham gia vào các hoạt động pháp lý tích cực. Công tác giáo dục pháp luật bao gồm các hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và trực tiếp thực hiện việc giáo dục pháp luật.

3. Mục đích chung của giáo dục pháp luật là góp phần hình thành ý thức và lối sống theo pháp luật trong thực tiễn xã hội. Để đạt được mục đích chung đó, giáo dục pháp luật phải được thực hiện nhằm nâng cao ý thức pháp luật của công dân; giáo dục tình cảm và lòng tin đối với pháp luật, không khoan nhượng với các vi phạm pháp luật và thói quen tuân thủ pháp luật, tham gia đấu tranh phòng và chống các vi phạm pháp luật.

Để đạt được những mục đích trên, các cơ quan chức năng cũng như các đơn vị cần xác định chương trình, nội dung giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường phù hợp với từng đối tượng, với khả năng và điều kiện của địa phương mình. Đồng thời tìm ra các hình thức, biện pháp thích hợp để công tác giáo dục pháp luật đạt hiệu quả cao. Nội dung, hình thức giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường phải xuất phát từ yêu cầu, mục tiêu chung nhưng phải tính đến các đặc điểm về chức năng, nhiệm vụ, điều kiện và đối tượng được giáo dục.

4. Trong những năm qua, các cơ quan, đơn vị, các nhà trường đã có nhiều cố gắng trong việc tổ chức giáo dục pháp luật nói chung và giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường nói riêng đã thu được những kết quả tốt, đáp ứng được một phần yêu cầu của việc tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý Nhà nước, nhằm nâng cao kỷ cương xã hội. Tuy nhiên, công tác giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục, đồng bộ, rộng khắp, chưa có trọng tâm, trọng điểm. Còn thiếu cơ chế, kế hoạch phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các cơ quan, đơn vị, giữa các cấp, các

ngành. Còn thiếu sự kết hợp chặt chẽ giữa việc giáo dục pháp luật với giáo dục chính trị, đạo đức. Nhu cầu thông tin, học tập pháp luật bảo vệ môi trường của nhân dân chưa được đáp ứng đầy đủ; đồng thời việc tự trau dồi kiến thức pháp luật cũng chưa được quan tâm đúng mức. Từ đó, nhận thức pháp luật của nhiều công dân còn hạn chế, một số người chưa có lòng tin vào pháp luật, ý thức sống và làm việc theo pháp luật.

5. Trước tình hình trên, đổi mới công tác giáo dục pháp luật cần được tiến hành theo các hướng chính sau đây:

- Làm cho các cơ quan, đơn vị, mỗi công dân nhận thức được vai trò của công tác giáo dục pháp luật; coi đó là nội dung không thể thiếu được của công tác chính trị tư tưởng, để từ đó tự giác, tích cực tham gia công tác này.

- Cá thể hóa nội dung, hình thức và phương pháp giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường đối với từng đối tượng trong giảng dạy pháp luật ở các nhà trường cũng như phổ cập pháp luật chung.

- Tăng cường công tác tổ chức và bảo đảm cho giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường như xây dựng đội ngũ giáo viên, tuyên truyền viên pháp luật, đưa hoạt động của các Hội đồng phối hợp công tác giáo dục pháp luật đi vào nề nếp, tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong phổ biến, giáo dục pháp luật và bảo đảm vật chất cho hoạt động này ở các cơ quan đơn vị.

Luận Văn 24 - đơn vị cung cấp Dịch vụ viết thuê luận văn uy tín, giá cả phải chăng

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Trọng Bích (1989), "Giáo dục ý thức pháp luật", Xây dựng Đảng , tr. 34-35.

2. Bộ Tư pháp (1998), Nghiệp vụ phổ biến giáo dục pháp luật, Nxb Thanh niên, Hà Nội.

3. Bộ Tư pháp (2004), "Số chuyên đề về thực hiện Chỉ thị 32/CT-TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng", Dân chủ và pháp luật.

4. Bộ Tài nguyên và Môi trường, Báo cáo Môi trường quốc gia 2008 – Môi trường làng nghề Việt Nam, Hà Nội

5. Bộ Tài nguyên và Môi trường, Báo cáo Môi trường quốc gia 2009, Hà Nội.

6. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến 2010, Hà Nội.

7. Bộ Tài nguyên và Môi trường, Báo cáo quốc gia về đa dạng sinh học năm 2011, Hà Nội.

8. Bộ Tài nguyên và Môi trường, Báo cáo Môi trường quốc gia 2010 – Tổng quan Môi trường Việt Nam, Hà Nội.

9. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Dự án 00040722 “Hỗ trợ giám sát phát triển kinh tế xã hội” -Báo cáo nghiên cứu đánh giá cuối kỳ tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2006-2010, 03/2011, Hà Nội.

10. Bộ Tài nguyên và Môi trường, Báo cáo Môi trường quốc gia 2011 – Chất thải rắn, Hà Nội.

11. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quyết định số 2089/QĐ-BNN-TCLN ngày 30/8/2012, Hà Nội.

12. Chính phủ (1998), Quyết định số 03/1998/QĐ-TTg ngày 07/01 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai công tác phổ biến giáo dục pháp luật từ 1998 đến 2002 và thành lập hội đồng phổ biến giáo dục pháp luật, Hà Nội.

13. Chính phủ (2003), Quyết định số 13/2003/QĐ-TTg ngày 17/10 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình phổ biến giáo dục pháp luật từ năm 2003-2007, Hà Nội.

14. Chính phủ (2004), Quyết định số 212/2004/QĐ-TTg ngày 16/12 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia phổ biến, giáo dục pháp luật và nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho cán bộ, nhân dân ở xã, phường, thị trấn từ năm 2005-2010, Hà Nội.

15. Chính phủ (2006), Quyết định số 28/2006/QĐ-TTg ngày 28/01 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các đề án chi tiết thuộc Chương trình hành động quốc gia phổ biến, giáo dục pháp luật và nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho cán bộ, nhân dân ở xã, phường, thị trấn từ năm 2005-2010, Hà Nội.

16. Chính phủ (2007), Nghị quyết số 61/2007/NQ-CP ngày 7/12 của Chính Phủ về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân, Hà Nội.

17. Chính phủ (2008), Quyết định số 37/2008/QĐ-TTg ngày 12/3 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật từ năm 2008 đến năm 2012, Hà Nội.

18. Chính phủ (2009), Quyết định số 270/QĐ-TTg ngày 27/2 phê duyệt Đề án "Củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đáp ứng yêu cầu đổi mới, phát triển của đất nước", Hà Nội.

19. Đảng Cộng sản Việt Nam (1986), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần VI, Nxb Sự thật, Hà Nội.

20. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Nxb Sự thật, Hà Nội.

21. Đảng Cộng sản Việt Nam (1992), Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII, Nxb Sự thật, Hà Nội.

22. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

23. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

24. Đảng Cộng sản Việt Nam (2003), Chỉ thị số 32/ CT-TW ngày 09/12 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân, Hà Nội.

25. Đảng Cộng sản Việt Nam (2003), Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

26. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

27. Nguyễn Bích Điểm, Nguyễn Cảnh Khanh (2007), "Nâng cao nhận thức pháp luật cho thanh niên trong giai đoạn hiện nay", trong sách: Sống và làm việc theo pháp luật, Nxb Thanh niên, Hà Nội.

28. Trần Ngọc Đường (1988), Giáo dục ý thức pháp luật với việc tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, Luận án Phó tiến sĩ Luật học, Hà Nội.

29. Trần Ngọc Đường, Dương Thị Thanh Mai (1995), Bàn về giáo dục pháp luật, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

30. Hồ Việt Hiệp (2000), "Xã hội hóa công tác phổ biến giáo dục pháp luật trong tình hình mới", Dân chủ và pháp luật.

31. Đặng Ngọc Hoàng (2000), Thực trạng và phương hướng đổi mới giáo dục pháp luật hệ đào tạo trung học chính trị ở nước ta hiện nay, Luận văn thạc sĩ Luật học, Hà Nội.

32. Hội đồng Phối hợp công tác Phổ biến giáo dục pháp luật thành phố Hà Nội (2005), Báo cáo tổng kết công tác phổ biến giáo dục pháp luật, Hà Nội.

33. Hội đồng Phối hợp công tác Phổ biến giáo dục pháp luật thành phố Hà Nội (2006), Báo cáo tổng kết công tác phổ biến giáo dục pháp luật, Hà Nội.

34. Hội đồng Phối hợp công tác Phổ biến giáo dục pháp luật thành phố Hà Nội (2007), Báo cáo tổng kết công tác phổ biến giáo dục pháp luật, Hà Nội.

35. Huyền Linh (2010), Từ điển Từ và Ngữ Hán Việt, Nhà xuất bản Thời đại.

36. Lê Đình Khiên (1993), Nâng cao ý thức pháp luật cho đội ngũ cán bộ quản lý hành chính ở nước ta hiện nay, Luận án Phó tiến sĩ, Hà Nội.

37. Lê Đình Khiên (1996), "Một số biện pháp chủ yếu nhằm nâng cao ý thức pháp luật", Nhà nước và pháp luật, tr. 3-7.

38. V.I. Lênin (1978), Toàn tập, tập 1, Nxb Tiến bộ, Mátxcơva.

39. V.I. Lênin (1978), Toàn tập, tập 30, Nxb Tiến bộ, Mátxcơva.

40. V.I. Lênin (1978), Toàn tập, tập 33, Nxb Tiến bộ, Mátxcơva.

41. V.I. Lênin (1978), Toàn tập, tập 45, Nxb Tiến bộ, Mátxcơva.

42. Nguyễn Đình Lộc (1987), Ý thức pháp luật chủ nghĩa xã hội và giáo dục pháp luật cho nhân dân lao động, Luận án phó tiến sĩ Luật học, Hà Nội.

43. Nguyễn Đình Đặng Lục (2004), Giáo dục pháp luật trong nhà trường, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

44. Nguyễn Đình Đặng Lục (2005), Vai trò của giáo dục pháp luật trong quá trình hình thành nhân cách, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

45. C. Mác - Ph. Ăngghen (1995), Toàn tập, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

46. Dương Thị Thanh Mai (1996), Giáo dục pháp luật qua hoạt động tư pháp ở Việt Nam (bằng thực tiễn hoạt động của Tòa án và luật sư), Luận án phó tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

47. Hồ Chí Minh (1995), Toàn tập, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà

Luận Văn 24 - đơn vị cung cấp Dịch vụ viết thuê luận văn uy tín, giá cả phải chăng

Nội.

48. Nguyễn Ngọc Minh (1983), "Giáo dục pháp luật cho nhân dân", Tạp chí Cộng sản, tr 34-38.

49. Phạm Trung Nghĩa (2000), Giáo dục pháp luật trong các trường sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay, Luận văn thạc sĩ Luật học, Hà Nội.

50. Quốc hội (2014), Luật Bảo vệ môi trường, Hà Nội.

51. Đinh Xuân Thảo (1996), Giáo dục pháp luật trong các trường đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề ở nước ta hiện nay, Luận án phó tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

52. Trần Đông Tùng (2001), Những điều cần biết về hòa giải ở cơ sở, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

53. Đào Trí Úc (chủ biên) (1995), Xây dựng ý thức và lối sống theo pháp luật, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

54. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (2003), Quyết định số 36/2003/QĐ-UB ngày 27/2 về Chương trình phổ biến giáo dục pháp luật trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm 2003 đến năm 2007, Hà Nội.

55. Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp (1995), Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về phổ biến giáo dục pháp luật trong công cuộc đổi mới, Nxb Thanh niên, Hà Nội.

56. Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp (1999), Báo cáo tổng hợp kết quả điều tra thực tế về sự hiểu biết pháp luật, Hà Nội.

57. Vụ Phổ biến giáo dục pháp luật - Bộ Tư Pháp (1997), Một số vấn đề về phổ biến giáo dục pháp luật trong giai đoạn hiện nay, Hà Nội.